

梅嶺修書局醫學叢書
MAI-LINH TU THƯ CỤC, Y-HỌC TÙNG THƯ

越 南 藥 學
VIỆT-NAM DƯỢC-HỌC

TẬP THỨ HAI

10 cây thuốc chữa 112 chứng bệnh

PHÓ ĐỨC-THÀNH

Trong bộ biên tập hội Y-học Trung-kỳ



Mai-Linh xuất-bản

1804 1479

ai-Linh tu-thu' cục

c ta, muốn cho trình-độ tri-thức ngày một
l, lẽ cố-nhiên là phải có nhiều những sách
thuật, về tư-tưởng v. v. bằng quốc-văn để
ng có thể đọc được; vì chữ quốc-ngữ ngày
phổ-thông trong dân-gian nhiều lắm.

cục - đích ấy nên chúng tôi định liên-tiếp
n những sách, hoặc biên-dịch, hoặc trước-
và khảo về các vấn-đề văn-học, triết-học,
y-học, khoa-học, v. v. .

nay bộ biên-tập của chúng tôi hãy tạm
từng ban như sau này :

Văn-học

d) Y-học

Sử-học

e) Phổ-thông

Triết-học

f) Giáo-dục

ban chúng tôi giao cho một học-giả, hoặc
a văn có tiếng trông nom.

ai những sách do bộ biên-tập của chúng tôi
úng tôi rất hoan-nghênh những tác-phẩm
gửi đến.

khi chúng tôi xét ra có thể xuất-bản được
ôi sẽ tùy giá-trị từng tác-phẩm mà trả tiền
út.

và in được đầy đủ những loại sách trên
ng-phu và tốn kém không phải là việc của
ời làm nổi, nếu không có quốc-dân ủng-
vậy chúng tôi rất mong ở lòng sốt sắng
g-bào, sẽ vì nền học-thuật nước nhà, mà
và chiếu-cổ giúp cho.

Eniage 3000 ex
H. M. L. 2/2/21
P. M. L. 1/1/21
7

中 圻 醫 學 會 醫 藥 叢 書
Trung-kỳ Y-học hội Y-dược tùng-thư

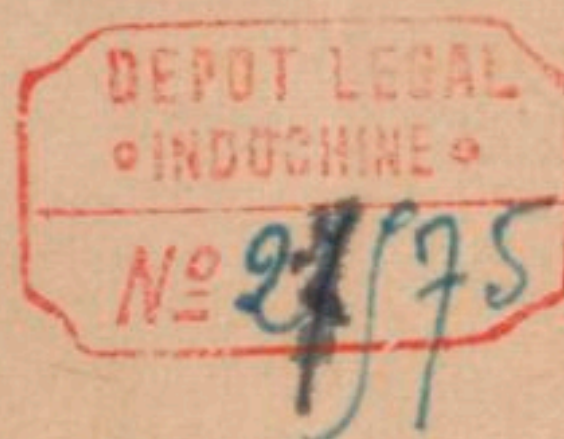
越 南 藥 學
VIỆT-NAM DƯỢC-HỌC

TẬP THỨ HAI

10 cây thuốc chữa 112 chứng bệnh

PHÓ ĐỨC-THÀNH

Trong bộ biên-tập hội Y-học Trung-kỳ



Mai-Linh xuất-bản

160 Indoch
1479 1804

Mai-Linh tu-thu' cục

Nước ta, muốn cho trình-độ tri-thức ngày một cao hơn, lẽ cố-nhiên là phải có nhiều những sách về học thuật, về tư-tưởng v. v. bằng quốc-văn để ai ai cũng có thể đọc được; vì chữ quốc-ngữ ngày nay đã phổ-thông trong dân-gian nhiều lắm.

Vì mục - đích ấy nên chúng tôi định liên-tiếp xuất-bản những sách, hoặc biên-dịch, hoặc trước-tác, bàn và khảo về các vấn-đề văn-học, triết-học, sử-học, y-học, khoa-học, v. v. .

Hiện nay bộ biên-lập của chúng tôi hãy tạm chia ra từng ban như sau này :

- | | |
|--------------|--------------|
| a) Văn-học | d) Y-học |
| b) Sử-học | e) Phổ-thông |
| c) Triết-học | f) Giáo-dục |

Mỗi ban chúng tôi giao cho một học-giả, hoặc một nhà văn có tiếng trông nom.

Ngoài những sách do bộ biên-lập của chúng tôi soạn, chúng tôi rất hoan-nghehnh những tác-phẩm ở ngoài gửi đến.

Mỗi khi chúng tôi xét ra có thể xuất-bản được chúng tôi sẽ tùy giá-trị từng tác-phẩm mà trả tiền nhuận-bút.

Soạn và in được đầy đủ những loại sách trên rất là công-phu và tốn kém không phải là việc của một người làm nổi, nếu không có quốc-dân ủng-hộ. Vì vậy chúng tôi rất mong ở lòng sốt sắng của đồng-bào, sẽ vì nền học-thuật nước nhà, mà cổ-động và chiêu-cổ giúp cho.

Handwritten notes in the top left corner, including the number "10" and some illegible characters.

Trang 10 Y học hội Y khoa công nhân

VIỆT-NAM ĐƯỢC HỌC

Tập thứ hai
Tổ chức của các tổ chức công nhân
PHI ĐỨC TRẦN
Trang 10 Y học hội Y khoa công nhân

Minh Khai xuất bản

VIỆT-NAM DƯỢC-HỌC
Tập thứ hai
MAI-LINH xuất-bản

Các sách khảo cứu

- | | |
|---------------------------|-----------------------|
| 1) Nam-dược thần-biểu | Cụ Tuệ-Tĩnh |
| 2) — — — | Cụ Hải-Thượng |
| 3) Sách thuốc gia-truyền | Hoài-nam Nguyễn-Hiến |
| 4) Thày nhà lá vườn | Phạm-dụng-Hanh |
| 5) Sách thuốc mường | Lê-xuân-Kỳ |
| 6) Y-tế nam-châm | Nguyễn-văn-Huỳnh |
| 7) Y-dược giải-âm | Tạ-phúc-Hải |
| 8) Bản-thảo đồ-kinh | Tô-Tụng (Đời Tống) |
| 9) Bản thảo diễn nghĩa | Chu-đan-Khê (Nguyên) |
| 10) — — Kinh sở | Trừu-hy-Ung (Minh) |
| 11) — — Cương-mục | Lý-thời-Trân (Minh) |
| 12) — — Cầu-chân | Hoàng-cung-Tú (Thanh) |
| 13) Thuốc nam | Bùi-khắc-Mẫn |
| 14) Sách thuốc | Fra. Mighe |
| 15) Các tạp-chí, các báo. | |



Bảng kê các cây thuốc nam

1 Bạc-hà

2 Bo-bo

3 Cỏ-dĩ

4 Cỏ-xước

5 Củ-mài

6 Diếp-cá

7 Gừng

8 Hành-tắm

9 Nghệ

10 Tỏi



Chữa 112 chứng bệnh

1 Âm-thư

2 Âu-thồ

3 Bị-thương

4 Cai-nha-phiến

5 Cảm-mạo

6 Cước-khi

7 Cúm

8 Chân-chai

9 Chó cắn

10 Da bụng tê cứng

11 Dật lông mày

12 Di-tinh

13 Giun sán

14 Đau bụng lạnh

15 Đau bụng trùng

16 Đau cửa mình

17 Đau dạ-dày

18 Đau đầu

19 Đau màng phổi

20 Đau mắt

21 Đau trong lỗ tai

22 Đau răng sâu

23 Đĩa vào dít

24 Đinh phát sau lưng

25 Đinh sang
26 Diên cường
27 Đơn độc ở mắt cá
28 Gai đâm vào thịt
29 Ghẻ hờm
30 Ho nhiều đờm
31 Hoác loạn
32 Hóc xương
33 Ho hen
34 Huyết nghịch
35 Huyết ủng
36 Kiết-ly
37 Khan tiếng
38 Khí nghịch
39 Lâm-lich
40 Lở miệng
41 Lưỡi có meo
42 Ma bắn
43 Máu cam (máu mũi)
44 Mặc thuốc độc
45 Mèo cắn
46 Mồ-hôi không chỉ
47 Mỹ mắt lở loét
48 Mỗi chân
49 Mụn nhọt
50 Mụn trong cổ

51 Mụn ở phổi
52 Mụn ở vú
53 Nhọt độc
54 Nhọt ô-gà
55 Nhệnh cắn
56 Ong đốt
57 Phá-thương-phong
58 Phong-nhiệt đờm tắc
59 Phong-thấp
60 Phong-thũng
61 Quan cách
62 Rắn cắn
63 Rết cắn, bò - cạp cắn
64 Sản-hậu có dây thịt
thông ra
65 Sán khí
66 Sản hậu ho
67 Sản hậu huyết ứ
68 Sản hậu trúng phong
69 Sau cổ phát hạch
70 Sâu quầng
71 Sốt-rét
72 Sơn-lam chương-khi
73 Sưng đầu gối
74 Sưng dái
75 Sưng lở sau lưng

76 Tiểu-tiện bí
77 Tiểu-tiện buốt
78 Tiểu-tiện ra máu
79 Tiết-tả
80 Tiêu-khát
81 Ty-uvên
82 Tô-phong
83 Thai động
84 Thắt cổ
85 Thoát giang
86 Thở huyết
87 Thời-khí
88 Thủy-thũng
89 Thực-tích
90 Thương - hàn trong
 khi có thai
91 Tràng-nhạc
92 Trĩ-sang
93 Trẻ con đau bụng
94 Trẻ con ho
95 Trẻ con khóc đêm
96 Trẻ con mới sinh
 không bú
97 Trẻ con sởi tóc

98 Trẻ con tự nhiên
 chết ngất
99 Trúng độc bán-hạ
100 Trúng độc cua
101 Trúng độc ngũ-kim
102 Trúng độc phê-
 sương
103 Trúng độc xuyên-
 tiêu
104 Trúng hàn
105 Trúng hơi độc
106 Trúng phong đòn
 tắc
107 Trúng phong lưng
 trở trái như vòng
 cung
108 Trúng phong lưỡi
 cứng không nói
 được
109 Trúng phong trợn
 mắt, méo miệng
110 Trúng thử
111 Vàng da
112 Yết hầu.

Mấy điều dặn :

1.) Các cây thuốc ở đây phải nhận cho kỹ hình, sắc và công-dụng của nó ;

2.) Muốn dùng các cây thuốc này cho khỏi lầm, cần phải nhận kỹ các chứng bệnh rõ-ràng, bệnh nào thuốc nấy ;

3.) Đây nói cân là cân lạng Tàu. Ai muốn đối chiếu cân lạng của Tàu với cân lạng của Tây cũng dễ ; cứ một lạng Tàu là : 37gr78 Một đồng là 3gr77. Một cân là 604gr.

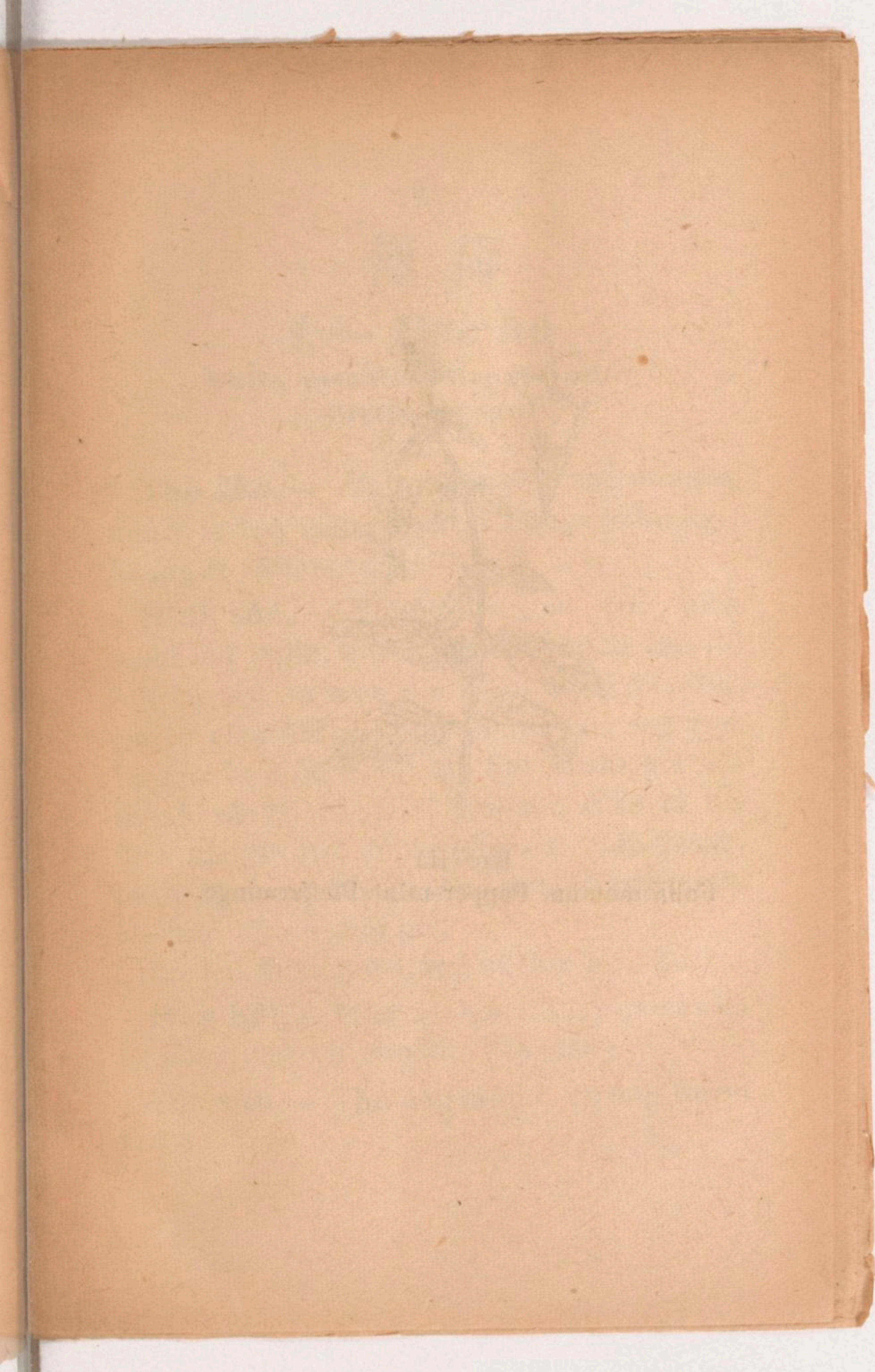
Nếu không có cân thì lấy tay bốc làm chừng, cũng không can-hệ mấy, vì cây thuốc không có chất độc ;

4.) Dùng thuốc đã khỏi, có uống thêm thì chỉ uống thêm một hay hai liều là cùng, không nên uống nhiều quá ;

5.) Sắc thuốc phải cho sạch sẽ, cần-thận, lọc trong ;

6.) Thuốc đã sao thì sau khi được rồi phải đổ ra chỗ đất sạch cho hỏa-khí bốc đi ;

7.) Trong 112 bệnh này, cũng có bệnh còn nhiều cách chữa, nhưng không ở trong 10 vị này thì không chép đến.





薄荷

Bac - Hà
Folia mentha. Pepper-mint. Pfefferminge, .

薄荷

1. — *Bạc-hà*

Folia mentha. Pepper-mint.
Pfefferminge.

Thổ-sản. — Thường mọc ở chỗ ẩm-ướt, người ta hay trồng ở vườn, cũng có thứ mọc hoang ở đồi núi.

Hình sắc, — Thuộc về loài cỏ; mùa xuân lên mầm, thân cây hơi vuông, cao độ 3, 4 tấc tây; lá mọc đối nhau, hình bầu-dục (noãn-viên hình) xung-quanh có răng cưa, bề mặt lục, bề lưng tía, khi lá đã già thì thành sắc lục cả; cuối mùa thu ở kẽ lá trổ hoa sắc tía lợt, hình như cái môi (thuần hình) lá và cây đều có lông như nhung mềm, có mùi thơm mát-mẻ.

Có hai thứ: thứ trắng và thứ hơi tía.

Mùa hái. — Mùa có hoa cắt lấy cả cây và lá phơi chỗ im cho khô (âm can).

Tốt xấu. — Thứ nào lá nhỏ, có mùi thơm là tốt.

Tánh-chất. — Vị cay, khi mát, không có chất độc.

Công-dụng. — Giải uất, phát hãn; chữa bệnh phong-nhiệt, bệnh thương-hàn. Lại có tính mát mẻ, chữa bệnh cảm nắng thổ-tả và đau mắt, đau đầu, đau phổi, làm cho kinh mạch được lưu thông, giúp thêm sức vận động của dạ dày.

Phân-lượng. — Dùng từ 5 phân đến 1 đồng rưỡi.

Cấm-kỵ. — Phàm người khi hư, huyết tảo và không có ngoại cảm phong hàn, hoặc hay ra mồ hôi thì không nên dùng.

Khảo chứng. — Học-thuyết Trung-quốc:
1) Bạc-hà làm rau ăn trừ được khí độc, làm cho người ta thơm miệng và nấu nước rửa chỗ sơn ăn (tất-sang) rất chóng khỏi (Tôn-tử-Mạc);

2) Bạc-hà thông lợi các khớp xương, làm cho ra mồ hôi, giải được khí tức giận, phá được huyết, chữa được bệnh lý (Nhân-Quyên);

3) Bạc-hà chữa ngoại cảm, đau đầu, mùa nào cũng dùng được cả. (Trần-sĩ-Hường);

4) Bạc-hà tươi đã lấy nước mà uống, chữa được bệnh phong-nhiệt ở trong quả tim (Mạnh-Sân);

5) Bạc-hà chữa bệnh trúng phong mất tiếng, làm cho đờm giải thổ ra (Nhật-hoa);

6) Bạc-hà chữa bệnh phong ở trên đầu, thông được bệnh quan-cách, nhất là bệnh phong-nhiệt của trẻ-con (Tô-Tụng);

7) Bạc-hà làm cho tai mắt được thanh-sáng (Lý-dông-Viên);

8) Bạc-hà chữa bệnh yết hầu, bệnh tràng-nhạc (loa-lich) cùng những bệnh ngứa-ngáy lở láy; đã nước uống chữa bệnh tưa lưỡi, vò lá nhét vào mũi cầm được máu cam. Người ta lại dùng nước nó đổ vào những chỗ bị ong, rắn cắn (Lý thời Trân);

9) Bạc-hà khi vị cay và mát, cay thì phát tán và thông khí, mát thì thanh nhiệt, nhưng chỉ nên dùng ít, vì sợ tán mất khí đi, ngộ khi bị mèo cắn đã nó đặt vào rất hay (Hoàng-cung-Tú);

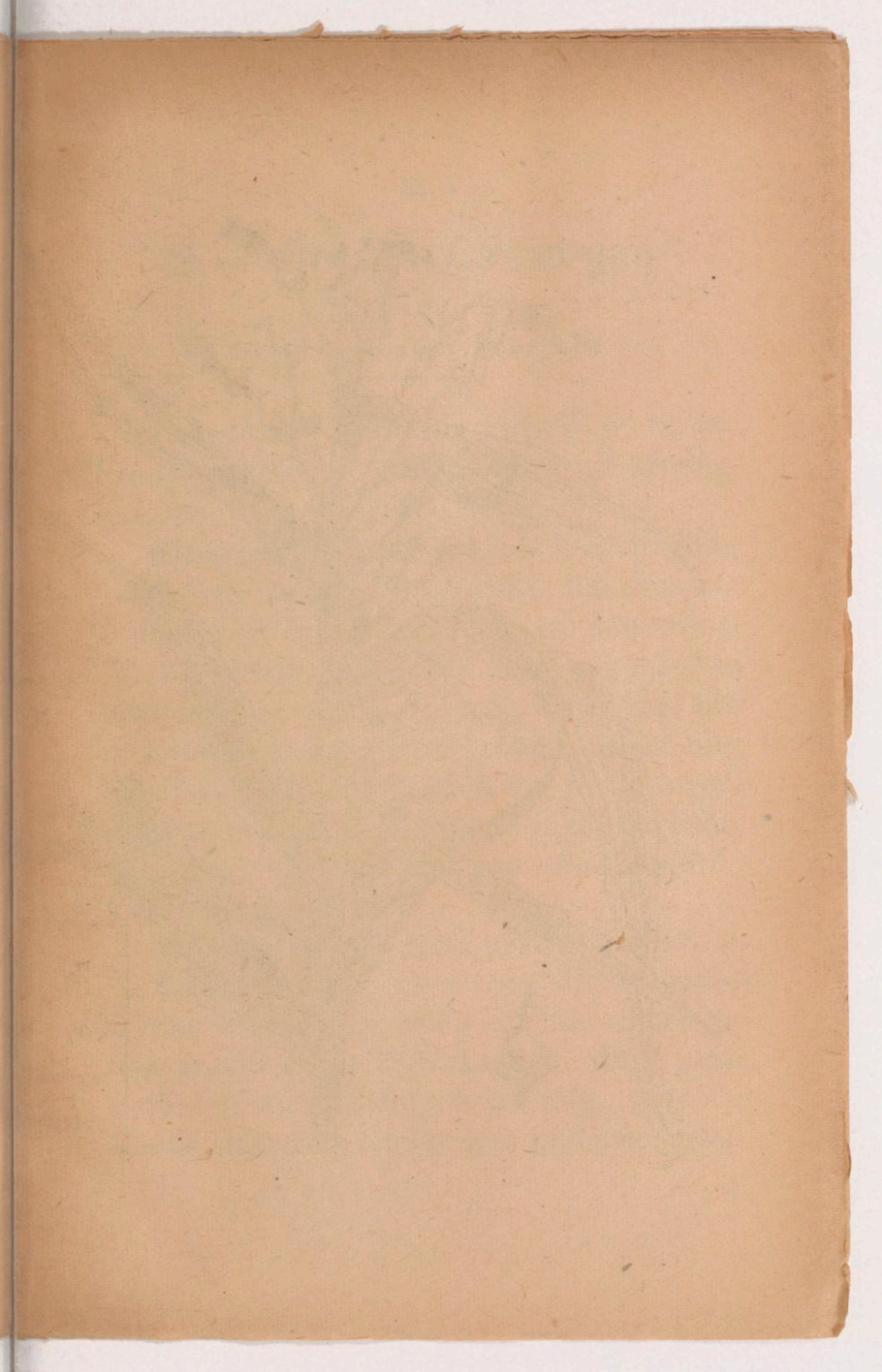
10) Bạc-hà vừa cay, vừa ngọt, lại có vị đắng, cho nên người ta chế ra các thứ như: Bạc-hà-tửu, Bạc-hà-cao, Bạc-hà-du, Bạc-hà-

lộ, rất có công-hiệu, trừ ra người hư hàn mồ hôi nhiều thì phải kiêng (Vương-sỹ-Hùng).

Học-thuyết Nhật-bản nói : «Bạc-hà làm thuốc chữa đau ruột và đau dạ dày, chế ra làm dầu uống, mỗi lần vài ba giọt rất hay. Lại có thứ Bạc-hà nào chữa bệnh đau răng, đau đầu và đau mình mẩy, uống trong thì chữa được bệnh phế-kết hạch (phổi nổi mụn).

Sách bản-thảo của ông A. Hérard nói : Bạc-hà có chất bồ, có tính kích thích, dễ vào miệng thấy hương-vị rất dễ chịu, vào tỳ vị giúp sức tiêu-hóa, trừ khí độc, lợi tiểu tiện, làm cho ra mồ hôi, bởi có những tính chất đó, nên chữa được các bệnh như : ăn không tiêu, bệnh ho, xổ mũi, nôn mửa, đau bụng, kinh nguyệt không đều.

Lời bàn của các người đời sau. — Trương sơn-Lôi nói : Bạc-hà tuy cũng cay thơm như Tia-tô, mà bỏ bột nó vào miệng thì lại mát-mẻ, cho nên người xưa cho là tân-lương, nghĩa là cay mà có tính mát, thế mới chữa được các bệnh phong - nhiệt v. v. Nhưng dầu sao cũng là thuốc phát - tán, cho nên không thể dùng nhiều và dùng thường được.





善心奴

Y. D.
Cây Bò
Coix hachrym
Larmill.

2.— *Bo-bo. Cùr-m-gạo*

Ý-DĨ 薏 苡

Croix Lacryma Jobi Lin



Thổ-sản, — Thường trồng ở vườn, ruộng, ở tỉnh Quảng-trị trở vào tỉnh Quảng-nam có trồng nhiều,

Hình sắc, — Thuộc về loài lúa, chỉ sống 1 năm; cây cao đến 1 thước tây; đến mùa hạ, ở đầu ngọn cây chỗ nách lá trổ hoa trắng, rồi kết thành hạt nhỏ như cái cúc áo hình bầu-dục vỏ ngoài cứng, sắc trắng, hơi nâu nâu có bóng-láng, ở trong có nhân như hạt lúa Mạch, chính giữa có bọng. ngoài nhân có lớp màng mỏng, dĩa ra thì sắc trắng ngà, nhai thấy dẻo như gạo nếp. Có 2 thứ : Ý-dĩ nếp, ý dĩ tẻ.

Mùa-hái. — Thường hái về tháng 8, 9.

Cách dùng. — Cứ 1 lạng Ý-dĩ (dĩ-nhân) thì cho vào 1 lạng gạo nếp sao chín, rồi bỏ gạo nếp ra, chỉ dùng Dĩ-nhân, hoặc dùng nước muối nấu qua, để sống, hoặc uống, hoặc sao không cho vàng, tán bột làm thuốc hoàn-tán.

Tốt xấu. — Thử nào chắc-trắng, không một là tốt.

Tính chất. — Vị ngọt, khi hơi hàn, không có chất độc.

Công dụng. — Hạ khí, giải thấp nhiệt, lợi trường vị, trừ tà khí ở trong gân cốt; chữa gân co rút, chữa phong thấp tê mỏi, chữa da tê cứng không biết đau, và chữa bệnh lâm, bệnh lậu, bệnh tả, bệnh ly, uống lâu thêm được sức khỏe và mình mẩy nhẹ nhàng.

Phân lượng. — Dùng từ 3 đồng đến 5 đồng.

Cấm kỵ. — Phàm bệnh không có thấp nhiệt không nên dùng.

Khảo chứng. — Học - thuyết Trung-quốc : Nhân-quyền-dược-tinh-bản thảo nói : Ý-dĩ chữa bệnh phổi liệt (phế nuy), thổ nung huyết ho-hen, nước mắt nước mũi thường chảy ra, và khi nghịch xông lên ; sắc uống giải được độc xung thũng.

Mạnh-Sản Thực-liệu-bản-hảo nói - Ý-dĩ chữa bệnh cước khí, rất có hiệu nghiệm.

Trần-tàng-Khi-y. Bản thảo thập di nói :
Y-dĩ thời làm cơm ăn no được lâu, sắc làm
thuốc uống chỉ được bệnh tiêu-khát và sát
được giun sán.

Khấu-tôn-Thích bản thảo diễn nghĩa
nói : « Y-dĩ bổ tỳ và phế trừ thấp, thanh nhiệt,
chữa bệnh rút gân không co-duỗi được.

Lý-Thời-Trân Bản thảo cương mục nói
Y-dĩ lợi tiêu-tiện, chữa bệnh lâm mà thuộc
về nhiệt.

Hoàng-cung-Tú Bản-thảo-cầu-chân nói :
Ý-dĩ sắc trắng vào phế, vị ngọt vào tỳ, tinh
hàn, giải được nhiệt, vị lạt thấm được thấp,
phạm bệnh mà hư hỏa bốc lên, sinh chứng
phế nuy (phổ liệt) phế ung (mụn trong phổi),
hoặc vì thấp nhiệt mà sinh chứng tả, chứng
ly, chứng thũng nước, chứng đi đại buốt,
chứng cước khí, và vì phong nhiệt sinh chứng
rút gân, đều chữa được cả, không phải như
Bạch-truật vị ngọt khí ấm, chỉ bổ tỳ mà thôi.

Nhưng, ý-dĩ tinh rất hòa hoãn, phải dùng
bội hơn các thứ thuốc khác mới kiến hiệu.
Trừ ra những người tân dịch kém, đại tiện

bí, và đàn bà có mang thì kiêng không nên dùng. Muốn trừ giun sán, phải dùng rễ nó sao với gạo nếp hoặc nấu qua nước muối rồi sắc uống.

Đào Hoàng-Cảnh nói : Ý-dĩ sản ở Giao-châu (nước ta) hạt rất to, rất tốt, người ta quý như ngọc châu, cho nên Mã-Viện khi sang nước Giao-chỉ (nước ta) thường dùng để chữa bệnh chương khí, rất có công-hiệu, lúc về nước có đem theo để dùng.

Học thuyết Anh Mỹ cho công dụng Ý-dĩ cũng như công dụng Đại-mạch, người bệnh ăn vào dễ tiêu hóa.

Ông Bocquillon limousin nói : Ý-dĩ có tinh chất thông tiểu-tiện, nhuận trường, giải nhiệt, chữa ho.

Ông Crévot nói : Ý-dĩ có chất bổ và trừ được bệnh ngã nước, người già trẻ con, nấu cháo ăn rất tốt, đàn bà ăn có sữa cho con bú.

Phòng Canh Nông phân chất Ý-dĩ như sau này :

Chất ẩm 15gr08. Chất béo 0,48. Chất tro 0,34. Chất hồ 66,23. Chất lân 0,033. Chất đạm 12,18.

Sách Hòa-hán dược-giải (Nhật-bản) nói : Ý-dĩ mà sách Tàu cho là chữa bệnh «phế-lao» có công hiệu đặc biệt là phải.

Cát-ich-đông-động nói : Ý-dĩ chữa bệnh khí-phù-thũng.

Hương-xuyên nói : Ý-dĩ chữa bệnh tý thuộc về phong hàn-thấp.

Cương - bản nói : Ý-dĩ chữa bệnh sưng nước, uống vào mạnh tý, vị, làm cho ăn uống thêm lên.

Sách Thanh-nang tỏa-thâm có bài thuốc chữa sán lại, dùng Ý-dĩ 2 đồng, Cam-thảo 1 đồng, sắc uống.

Lời bản. — Hạt Bo-bo là 1 vị thuốc trừ thấp, giải nhiệt, và có chất bổ, công-dụng nó rất nhiều, cho nên ta thường dùng để hầm lẫn với gà vịt, cũng là 1 món ăn vừa bổ vừa chữa bệnh.

RỄ Ý - DĨ

(Ý-dĩ căn 薏 苡 根)

Tính chất. — Vị ngọt, khí hơi hàn, không độc.

Chủ trị.— Trừ các thứ trùng.

Khảo chứng.— Học - thuyết Trung - quốc : Đào Hoàng-Cảnh nói : Nấu nước rễ Ý-dĩ uống rất thơm và trừ được giun sán ;

Trần-tàng-Khi nói : rễ Ý-dĩ sắc uống hay bị trụy thai ;

Tô - Tụng nói : rễ Ý-dĩ chữa chứng tự-nhiên đau bụng đầy trướng và chứng đau sườn, đau ngực ;

Lý-thời-Trân nói : rễ Ý-dĩ sắc lấy nước hòa rượu vào uống, chữa bệnh hoàng-đản rất hay.

Ở miền phủ Quý (Nghệ-an) thường dùng rễ Ý-dĩ chữa bệnh lậu có kiến hiệu.

LÁ Ý - DĨ

(Ý-dĩ điệp 薏苡葉)

Chủ trị.— Làm nước uống như nước chè, mùi rất thơm, bổ tỳ-vị và thông-lợi các màng-mỡ.

Khảo chứng.— Lý thời-Trân nói : tiết trời nắng, nấu lá Ý-dĩ làm nước uống, ẩm được dạ-dày, và bổ khí huyết ; trẻ con mới

sinh, nấu nước nó mà tắm thì sau không hay mắc bệnh.

CHÁO Ý - DĨ

(Ý-dĩ chúc 薏苡粥)

Chủ trị.— Ăn cháo Ý-dĩ trừ được thấp nhiệt và thông-lợi trường-vị.

RƯỢU Ý - DĨ

(Ý - dĩ tửu 薏苡酒)

Phép chế.— Dùng bột Ý-dĩ rắc men vào, ủ thành rượu mà uống, hoặc dùng bột Ý-dĩ bỏ vào 1 cái túi, ngâm rượu mà uống, trừ phong thấp, cứng gân xương và mạnh tỳ - vị.

3.— Cỏ-dĩ.

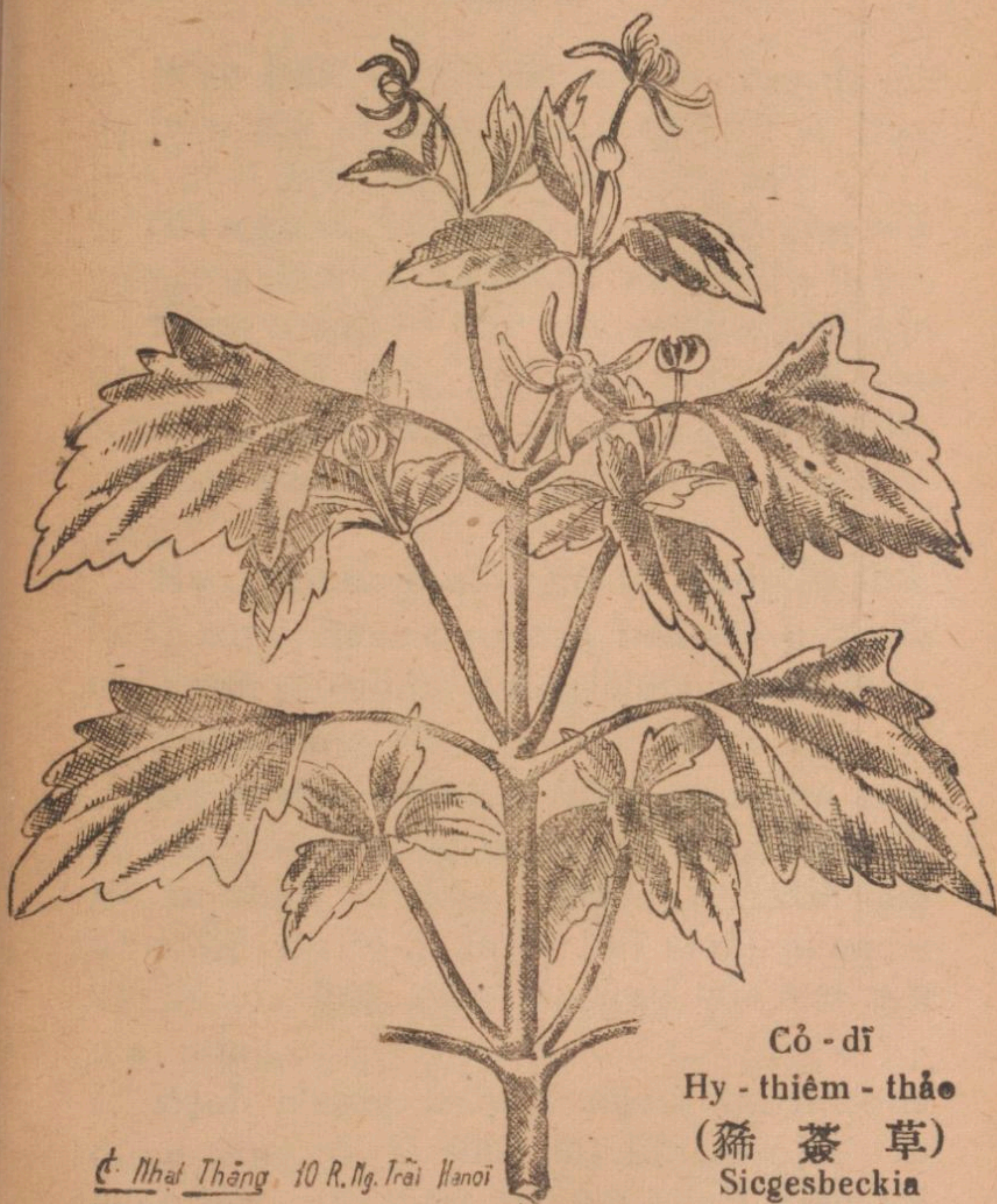
Lưỡi-dòng. — Nụ-áo-ría.

(HY - THIÊM - THẢO 絺 蒺 草)

Siegesbeckia Orientalis Lin

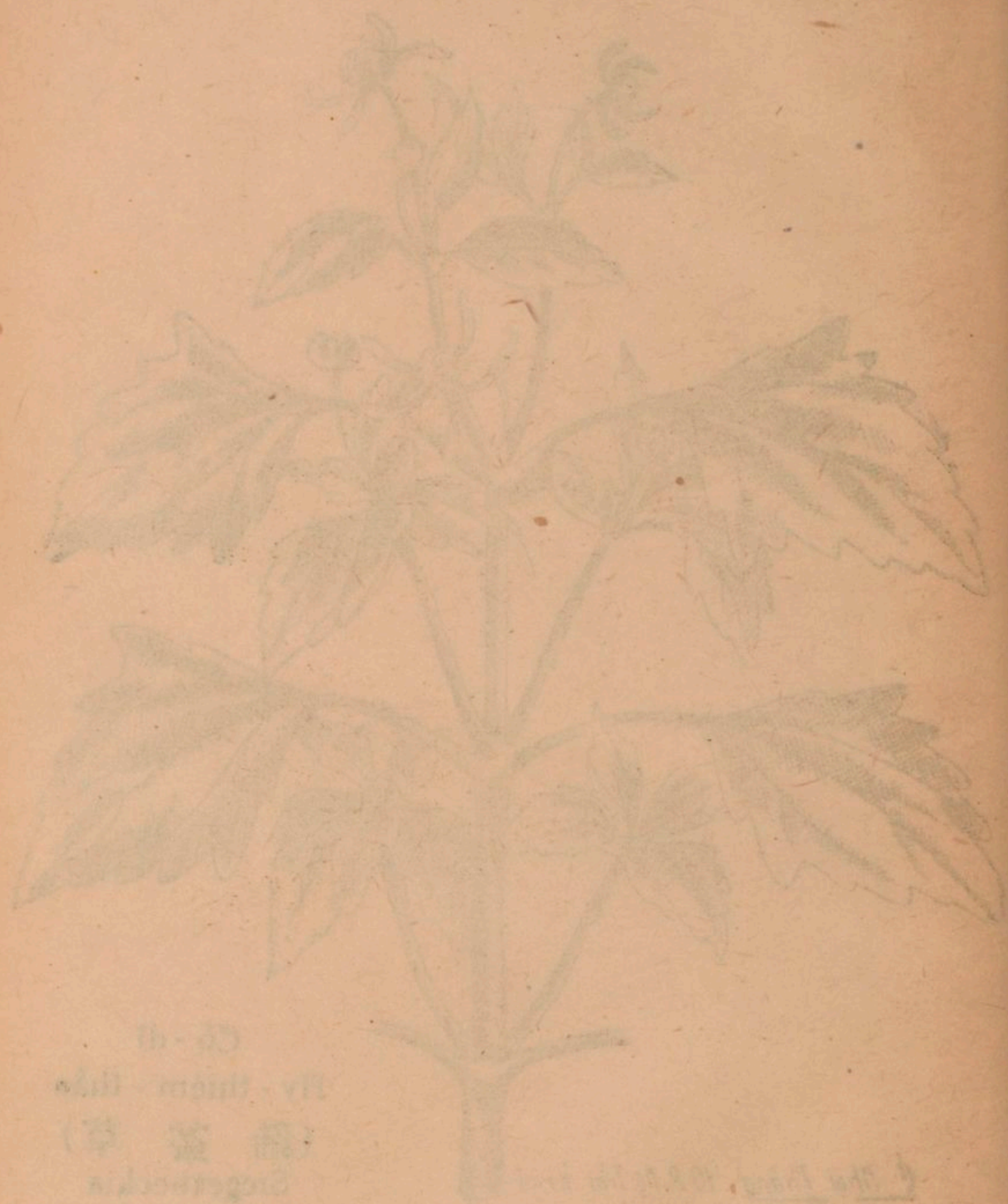
Thổ-sản. — Thường mọc ở những chỗ đất hoang, nương vườn, ở Thanh-hóa, Nghệ-an, Hà-tĩnh có nhiều, từ Đồng-hới vào trong Nam-kỳ ít thấy có.

Hình-sắc. — Thuộc về loài thảo [chỉ sống một năm, mùa xuân đâm mầm, mùa hạ cây cao độ 4, 5 tấc tây; cánh vuông, có lông mượt như nhung; lá hình bầu-dục, 1 đầu nhọn, mọc đối nhau, xung quanh có răng cưa to, mềm mỏng mà sắc hơi lục, cũng có lông nhung, đến mùa thu ở đầu chót cánh trở hoa vàng nho-nhỏ như cúc áo; dưới đài hoa có 5 cánh dài như cái thìa (muôm) có lông nham-nhám, ta đi dụng phải hay mắc vào áo, quả có chất nhựa dẻo mùi hôi. Mọc ở chỗ ẩm-ướt thì cây xộp, lá to, mọc ở chỗ đồng hoang, đồi núi, thì cây cần lá nhỏ, cánh cứng, có sắc tía.



Đ. Nhật Thăng 10 R. Ng. Trãi Hanoi

Cỏ - dĩ
 Hy - thêm - thảo
 (豨 薟 草)
Sicgesbeckia
Orientalis Lin.



Pl. chin. - (11)
C. chin. (11)
C. chin. (11)
C. chin. (11)
C. chin. (11)

The plant is a small, upright, herbaceous plant with a single stem and several large, serrated leaves. It is a native of China and is used as a medicinal plant.

Mùa hái. — Về tiết mùa hạ cây đã già có hoa, hái về phơi khô. Cây quý vì hoa, nên phải giữ cẩn-thận kéo rụng hết.

Tốt xấu. — Thừ nào mọc chỗ đất khô ráo, cứng cáp, lá nhỏ, sắc tía, có nhiều hoa là tốt.

Cách dùng. — Lấy cây về phơi khô, tán nhỏ hoặc để sống, hoặc chế chín, tùy theo bệnh mà dùng. Người ta thường chế ra Hy-thiêm-cao và Hy-thiêm-hoàn, dùng rất công-hiệu.

Hy-thiêm-cao. — Bỏ rễ, dùng cả hoa, lá và cành, nấu thành cao, hòa với mật, rồi chế rượu vào uống, hoặc-giả thêm Cam-thảo, Thục-dịa càng tốt.

Hy-thiêm-hoàn. — Tầm rượu và mật bỏ vào hông, hông độ 3 giờ đồng - hồ, rồi lấy ra phơi, cứ đêm hông ngày phơi, làm như thế cho đủ 9 lần thì khi vị thơm-ngon, khi đã khô hẳn, đem tán nhỏ hòa với mật mà uống.

Bệnh phong - thấp ở ngoài thì thường dùng sống, vì dễ sống thì khi mạnh; nếu bệnh bởi can, thận hư, âm huyết kém, thì thường dùng chín, vì chín thì khi êm.

Khí-vị. — Khí hàn, vị đắng, có hơi độc.

Công dụng. — Để sống thì chữa bệnh sang, bệnh thũng, bệnh cơn nhiều đờm, bệnh chân tay tê mỏi, đau lưng, mỏi gối, bệnh phong méo miệng, thường chảy nước miếng ra.

Dùng chín thì bổ ích nguyên-khi, chữa phong-khi ở can, thận.

Dụng lượng. — Dùng từ 3 đồng đến 4 đồng.

Cấm-kỵ. — Bệnh không phải phong thấp, mà thuộc về âm hư, không nên dùng.

Khảo chứng. — Học-thuyết Trung-quốc : 1) Hy-thiên-thảo chữa bệnh cơn giai, uống vào làm cho mưa đờm ra là khỏi; hoặc khi bị hồ cắn, chó cắn, nhện cắn v. v. dãn nó đặt vào cũng kiến-hiệu (Trần-táng-khi);

2) Hy-thiên chữa phong ở can, thận, chân tay tê mỏi, đau xương mỏi gối và các chứng lở bởi phong-thấp sinh ra (Lý-thời-Trân).

Học-thuyết mới. — Sách Dược-vật-Đông-dương của người Nhật-bản nói : Hy-

thiêm có tính kích - thích làm cho ra mồ-hôi, chữa được bệnh cước - khi, cho nên người ta đã tặng cho nó một cái tên qui hóa là : «cây thuốc thần».

Ở Tahiti dùng nó để chữa thương-tích, đau chân, sai xương, lở-ghẻ và làm thuốc điều-kinh.

Người Âu Mỹ cũng thường dùng trong đơn thuốc bổ, thuốc phong-bại (goute), thuốc dương-mai.

Các lời bàn, — Lý - sỹ - Tài nói : sách xưa nói « Hy - thiêm để sống thì hàn, hông chín thì ôn thì có lẽ phải, chứ nói «để sống thì tả, hông chín thì bổ », thì không đúng lẽ, vì rằng tính nó đã khô-hàn, lẽ nào hông lên mà bổ ích được, chẳng qua nó chữa được phong, thì chính- khi vượng lại, tức là bổ, chứ bản-tính nó có gì là bổ được.

Hoàng-cung-Tú nói : Hy-thiêm vị đắng mà cay, tính hàn không ôn, cho nên trong sách bảo phải vừa phơi, vừa hong 9 lần, lại gia rượu và mật vào mà chế, thì biến mất mùi hôi mà thành ra mùi thơm, phạm

những bệnh phong - thấp ở can, thận mà sinh ra tay chân tê mỏi, gân xương đau nhức, và bệnh ghẻ-lở, đều chữa được cả. Vì rằng vị đắng ráo được thấp, tinh hàn trừ được nhiệt, lại kiêm có cay nữa, thì tán được phong, nếu không phải phong - thấp mà sinh các chứng như trên, thì thuộc về bệnh huyết hư, vị thuốc này tân-tán không thể dùng được. Vả lại, dùng chín còn khá, không đến nỗi thương-phạt đến chính khí, chứ dùng sống mà uống vào thì sinh ra bệnh tiết-tả ngay.

Trương sơn-Lôi nói : cây Hy-thiêm mùi hôi như mùi con lợn, (heo) nên gọi là Hy-thiêm, để sống thì mùi hôi, khô-sáp, uống nhiều thì hay nôn. vì tính nó vẫn hàn, mà khí lại mãnh-liệt, cho nên chữa được những chứng phiền nóng, ung mụn và thổ được dờm, đến lúc dầm với rượu và mật, hong phơi 9 lần lại hoán với mật nữa, thì khi-vị êm-hòa, lại thông-lợi được các khớp xương, điều - hòa được dây máu, cho nên những chứng tê mỏi thuộc về phong - hàn, thấp-

nhật, uống vào là có hiệu quả ngay, thật là 1 vị thuốc hay ở trong loài cỏ thường.

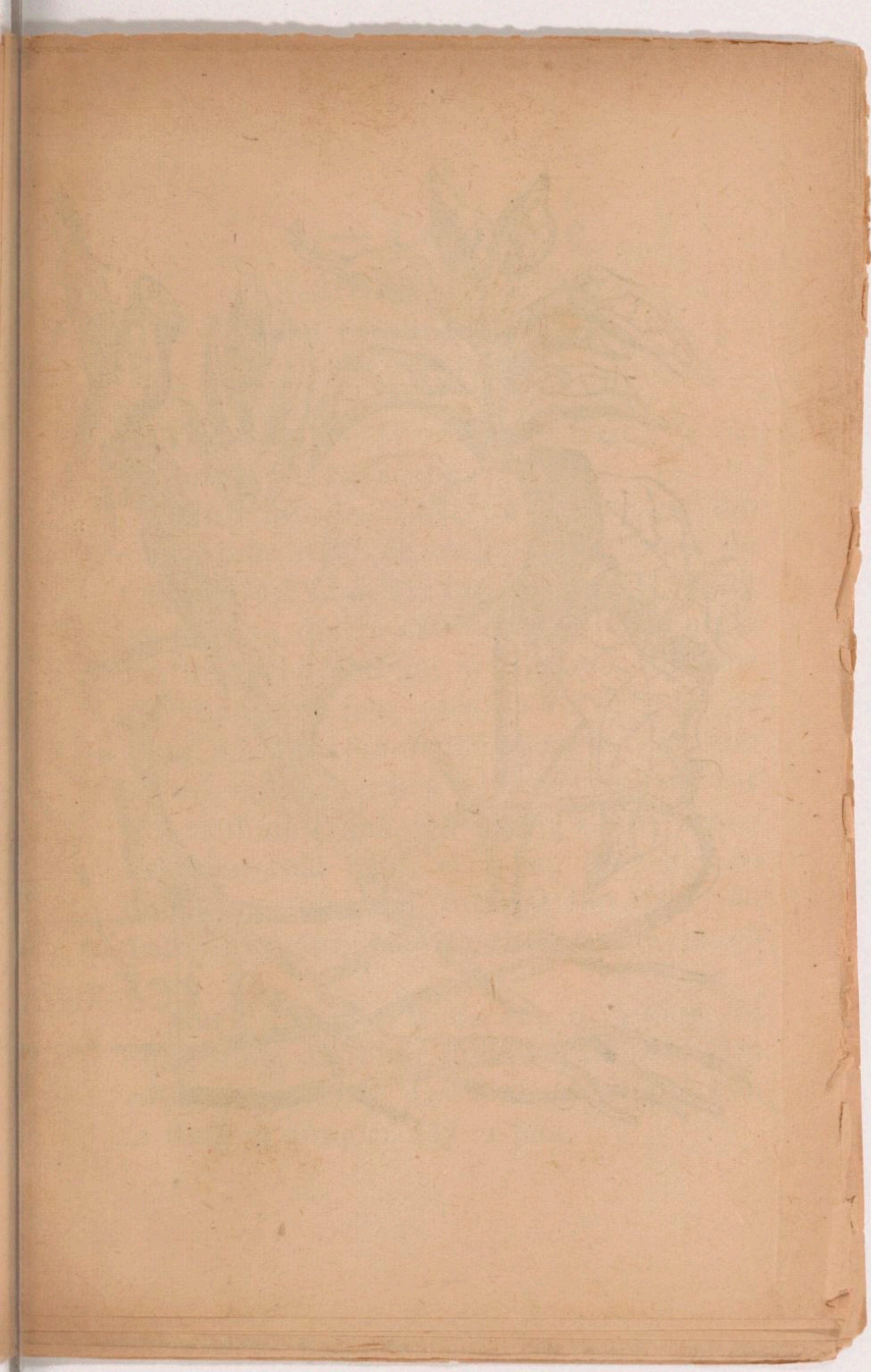
Lưu Nhược-Kim nói : bệnh bán-thân bất-toại đã lâu năm, uống thuốc bổ khí, bổ huyết, trừ đờm, cũng thường nên uống Hy-thiên-hoàn nữa ; bệnh phong méo miệng, méo mắt mà thể còn hoãn, uống Hy - thiên rất hay, còn bệnh trúng-phong mà hôn-mê, thì không dùng được.

CỬU - CHẾ - HY - THIÊN - HOÀN

Chữa bệnh na - hoán. (bệnh phong - bại bên tả gọi là na, bên hữu gọi là hoán, ta thường gọi bệnh phong bại, bán-thân bất-toại).

Dùng 10 cân Hy-thiên rửa sạch phơi chỗ im cho khô, tán nhỏ, hòa với mật và rượu, bỏ vào cái hông, dùng 6 lạng Song-bạch, 6 lạng Xuyên-ô thái nhỏ để lên trên thuốc, rồi hông chùng cháy hết cây hương, lấy ra phơi cho gần khô ; lần thứ 2 dùng 6 lạng Sinh-khương, 6 lạng Thảo-ô (bỏ vỏ và đầu nhọn) thái nhỏ, bỏ trên thuốc, hông như lần trước ;

lần thứ 3 dùng 6 lạng Uy-linh-tiên, 6 lạng Thương-truật (tầm nước gạo), thái nhỏ để trên thuốc, hong như trước; lần thứ 4, dùng 6 lạng Khương-hoạt, 6 lạng Độc-hoạt, thái nhỏ để trên thuốc, lại hong như trước; lần thứ 5, dùng 5 lạng Ngũ-gia-bì, 6 lạng Ý-dĩ, thái nhỏ để trên thuốc, lại hong như trước; lần thứ 6 dùng 6 lạng Ngưu-tất, 6 lạng Cát-cánh, làm như trước; lần thứ 7 dùng 6 lạng Sinh-dịa, 6 lạng Đương-quy, cũng làm như trước; lần thứ 8 dùng 6 lạng Phòng-phong, 6 lạng Tục-đoạn, cũng làm như trước; lần thứ 9, dùng 6 lạng Thiên-môn, 6 lạng Thạch-hộc, cũng làm như trước; hong xong 9 lần, chế mật bỏ vào cối dã nhuyễn, hoán bằng hạt ngô, phơi khô, mỗi ngày uống 5, 6 mươi viên với rượu hay nước muối.





必牛

Cỏ Xước

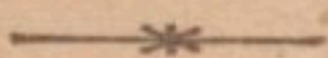
Achyranthes prastii

4.— Cỏ-xước

NGƯU - TẮT 牛 膝

Achyranthes Bidentata.

(Var japonica Mig)



Thổ-sản, — Thường mọc hoang ở các đất hoang các bờ ruộng.

Hình sắc. — Thuộc loài cỏ sống lâu năm ; mùa xuân lên mầm, thân cây cao độ 1 thước tây, hình cây hơi vuông, sắc xanh tía, có từng đốt, ở đầu đốt to như đầu gối con trâu, cho nên gọi là Ngưu-tắt ; lá mọc đối nhau hình bầu-dục, cuống dài, đầu lá nhọn, đến mùa hạ ở đầu ngọn và cành nhỏ có trổ một hàng hoa như cái roi, sắc lục có 5 cánh nhỏ, quả đều buông xuống, trong có nhiều chất ngọt, ruồi hay đậu, quả có nhiều lông như gai, thường hay trệt vào quần áo người ta, cho nên ta gọi là cỏ Xước.

Cách dùng. — Muốn cho đi xuống thì dùng sống, dùng vào thuốc bổ thì phải tẩm rượu sao qua. Bên Tàu thường dùng rễ, bên ta thường dùng cả cây và hoa.

Tánh chất. — Vị đắng hơi chua, tính hòa-bình, không có độc.

Tốt xấu. — Cây nào nhiều sắc tia mọc chỗ khô là tốt.

Công-dụng. — Chữa hàn-thấp, tê mỏi, tay chân co dặt, đau gối đau không co duỗi được; đau lưng, đau xương, đau trong óc, bệnh tinh kém, tóc bạc cùng đàn-bà kinh-nguyệt không thông; khi bị phỏng lửa, nhai nó dặt vào rất hay.

Dụng-lượng. — Dùng từ 1 đồng đến 4 đồng.

Cấm-kỵ. — Đàn bà có thai phải kiêng, người khí kém hãm xuống không nên dùng. Nó kỵ với thịt bò sữa bò.

Khảo chứng. — Học - thuyết Trung-quốc :

1) Ngưu-tất trục ác-huyết, chữa chứng âm-nuy, bổ thận và giúp sức 12 kinh mạch (Dược-tính-bản-thảo);

2) Ngưu-tất chữa đau lưng, mỏi gối, phá được bệnh trung-kết, chữa đàn-bà sinh cũ đau bụng, huyết xông lên chóng mặt và

hạ được thai chết trong bụng (Chư-gia-bản-thảo);

3) Nguru-tất bổ can, làm cho gân xương cứng-mạnh. (Thang-dịch-bản-thảo);

4) Nguru-tất chữa bệnh cơn giai, các chứng đi đái giắt, hoặc đi ra máu, đau nhói trong ngọc-hành, bệnh đi lý, bệnh ung nhọt, bệnh ngã gậy, lại còn chữa các chứng ở trên như: đau cổ, lở miệng, đau răng v. v. (Bản-thảo-cương-mục);

5) Nguru-tất là 1 vị thuốc thuộc về can và thận, bổ can làm cho gân cứng, bổ thận làm cho âm vượng, nhưng tính hoạt-lợi và hay đi trở xuống, cho nên những bệnh di-tinh, hoạt-tinh không nên dùng, (Bản-thảo đồ-giải);

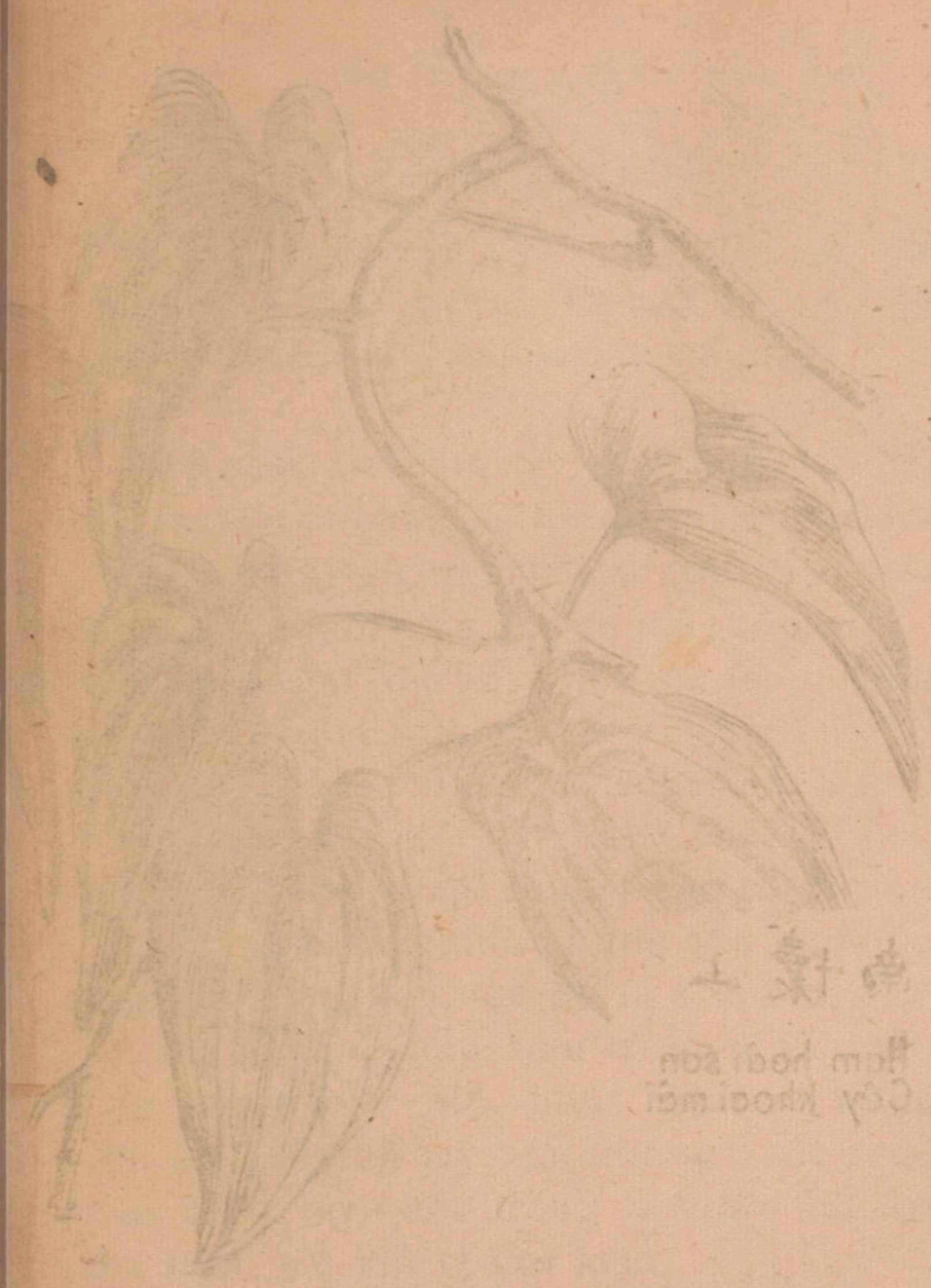
6) Can chủ sơ-tiết, thận chủ bế-tàng, Nguru-tất chỉ có tính sơ-tiết, không có tính bế-tàng, nói «bổ can» thì phải, chứ nói «bổ thận thì» không phải (Bản-thảo-câu-chân).

7) Nguru-tất dẫn các vị thuốc đi xuống, phạm bệnh bị phong mà đau xương gân ở bên dưới rất nên dùng. (Chu-Chấn-Hanh).

Học-thuyết-mới. — Sách bản-thảo-cương-mục-khải-mông nói : ở Nhật-bản có 2 thứ : thứ mọc ở đồng ruộng, gọi là Chân-Nguru-tất, thứ mọc ở đồi núi, gọi là Thổ-Nguru-tất. Hai thứ ấy đều là rễ ngắn không có chất nhuận, không bằng thứ Nguru-tất của Tàu rễ to dài mà mập là tốt hơn.

Sách Dụng-dược-tu-tri nói : Nguru-tất bất cứ của Tàu hay của Nhật, đều dùng được cả, chỉ có thứ Thổ-Nguru-tất, mọc ở đồng hoang dùng không hiệu - quả gì.

Cương-sơn-thượng-khiêm nói : bất - cứ Nguru-tất mọc ở đồng hay ở núi đều dùng chữa được cả, không nên phân biệt chỗ nào, nhưng phải chọn thứ nào tươi tốt, to lớn có chất mềm là được.



南懷上

Ham hoi son
Coy khoi mei



南懷山

Nam hoài sơn
Cây khoai mài

5.— Củ Mài

THỤ - DỤ 薯 蕷 SƠN - DƯỢC 山 藥
HOÀI SƠN 懷 山 CHÍNH-HOÀI 正 懷

Pioscorea Japonia Thunb.



Thổ sản. — Thường mọc hoang ở đồi núi, người ta cũng có trồng để làm món ăn.

Hình-sắc. — Thuộc về loài cây dây; mùa xuân nảy mầm, dây đỏ mà dài, bò lan trên mặt đất, bám vào cây khác để leo lên; lá hình như quả tim, mà hơi dài, đầu chót nhọn, có cuống dài mọc đối nhau; đến mùa nắng, ở kẽ lá trổ những hoa nhỏ, sắc hơi lục, kết thành từng chuỗi; quả có 3 cạnh, ở kẽ lá lại thường sinh những quả nho nhỏ, hình như quả cầu, tục gọi là « Sinh-dư-tử ». Củ nó ngoài da nâu xám có lông, và nhiều cục bươm súc - sủ, nhục mịn và trắng, lớn độ bằng cổ tay, dài chừng 2 tấc rưỡi, đến 3 tấc tây, nếu trồng ở vườn thì lớn dài hơn, mà khi vị hơi kém.

Tốt xấu. — Thử nào trắng mịn và chắc là tốt, to xộp mà đen xám là xấu; người

ta thường dùng thứ mọc hoang làm thuốc, còn thứ trồng chỉ để ăn thôi.

Tính chất.— Vị ngọt, khi ấm, tính hòa bình, không có chất độc.

Công-dụng.— Bền tinh, thêm khí-lực, nở-nang da thịt, vào tỳ, phế và thận ; chữa bệnh tả, bệnh lý, bệnh di-tinh, bệnh bạch-đái, bệnh đau lưng, uống lâu làm cho tai mắt tỏ sáng và mình-mẩy được nhẹ-nhàng.

Phân-lượng.— Dùng từ 3 đồng đến 6 đồng.

Cấm kỵ.— Phạm bệnh thấp nhiệt, tả còn mạnh, không nên dùng.

Khảo chứng.— Học - thuyết Trung - quốc : Nhân - Quyền nói : Sơn - dược chữa bệnh lao xương, trừ phong-lãnh, an hồn-phách, khai khiếu của quả tim, làm cho thêm trí nhớ.

Nhật - hoa nói : Sơn - dược mạnh gân xương, chữa bệnh tiết tinh và chứng hay quên.

Chu Đan-Khê nói : Sơn-dược đã tươi, đặt vào chỗ sưng-cấy thì tiêu độc ngay.

Lý-Thời-Trần nói: Sơn được thông thân-khí, mạnh tỳ vị, hóa đờm giải và nhuận được da lông.

Trương-Ẩn-Am nói: Sơn được là 1 vị thuốc bổ tỳ, cho nên công-dụng hoàn-toàn ở chỗ trung-thổ (tỳ).

Hy-Ung nói: Sơn được vị ngọt, tính êm, là bầm-thụ được thổ-khi, lại sinh về mùa xuân là bầm-thụ được mộc-khi, cho nên bổ tỳ và can, mà có công - hiệu như trên,

Trần-Tu-Viên nói: Sơn được đã tươi, nhiều chất nhựa giẻo đặc, sắc trắng, vị ngọt, tính hòa-bình, là 1 vị thuốc bổ tỳ, thận và phế, nhưng thuộc về hạng thuốc thượng-phẩm, là để ăn hoặc bổ dưỡng lúc thường, chứ không có sức trị bệnh lúc nguy-cấp. Thế mà người ta không hiểu, cứ dùng thuốc bổ để chữa bệnh như vị này và Nhân-sâm, Thục-địa, v. v. Có biết đâu bệnh ta chưa hết, mà dùng thuốc bổ thì ta lưu lại làm hao-tồn đến nguyên - khí, dầu bổ cũng có ích gì?

Hoàng-Cung-Tú nói: Sơn được sắc trắng vào phế, vị ngọt vào tỳ, là 1 vị thuốc bổ

khí âm ở tý, phế, không phải như Hoàng-kỳ cam ôn, chỉ bổ dương-khí ở phế, Bạch-truật khô tảo, chỉ bổ dương - khí ở tý ; và lại nó có tính sáp hay bổ thận cố tinh, cho nên bài lục-vị dùng nó để giúp sức với Địa-hoàng là nghĩa thế ; nhưng tinh hòa - hoãn phải dùng nhiều mới kiến-hiệu.

Vương-Sỹ-Hùng nói : Sơn-được với Linh-đư - tử công dụng cũng như nhau. Bệnh thông-trường khi trệ thì không nên dùng.

Chương-Thứ-Công nói : Người ta chữa bệnh ợ chua, xốn ruột thường dùng những vị cay thơm ; nhưng không biết dạ-dày đã khô-ráo, cần phải tư-nhuận mới được, cho nên tôi chữa bệnh ấy chỉ dùng Sơn-được, Dĩ-nhân, Biền đậu, Ngạnh-mễ v, v, mà bệnh dần dần cũng khỏi, xem Tây-y thường dùng Đan-bạch-chất (lòng trắng trứng) chữa bệnh đau dạ-dày mà nước chua nhiều quá, thế thì trong vị Sơn-được cũng có chất ấy nhiều cho nên có thể chữa được.

Trương Thái-Viên nói : Thự-dự chữa phong khí, cho nên Trọng-Cảnh chế ra bài

Thự-dự hoàn ; bây giờ người Vân nam bị bệnh cước-khi, dùng Thự-dự đều khỏi cả.

Hoa Thự-Phu nói : Tây-y chữa bệnh Đường-niệu (nước tiểu có chất đường) kiêng ăn chất bột và đường, thế mà ta dùng Sơn-dược là thứ có nhiều chất bột trị bệnh đường-niệu, rất có hiệu-quả, Ngô-uân Sơ-tiên sinh đã từng thí nghiệm.

Trương-Tích-Thuần nói : Sơn-dược nên sắc nước mà uống, không nên sao, vì nó có chất lòng trắng trứng, nếu sao thì chất ấy khô đi, uống vào vô-hiệu.

Học-thuyết mới (Nhật-bản.) — Y-học bác-sỹ Phiếm-Sơn-Nham thường chế một thứ nước gọi là Thự-dự-chấp, cho là có công tiêu-hóa và bổ-ích rất vĩ đại, đã từng thí nghiệm nhiều lần.

Các nhà khoa-học phân-chất thì thấy :
Chất nước : 80.74 Thán-thủy hóa-vật : 15.09
Chất dân-bạch : 2.40 Chất tiêm-duy : 0.90
Chất mỡ : 0.10 Chất khô : 0.64.

6.— *Diệp cá*

NGƯ - TINH - THẢO 魚 腥 草

Houthuynia Cordata Thanh.

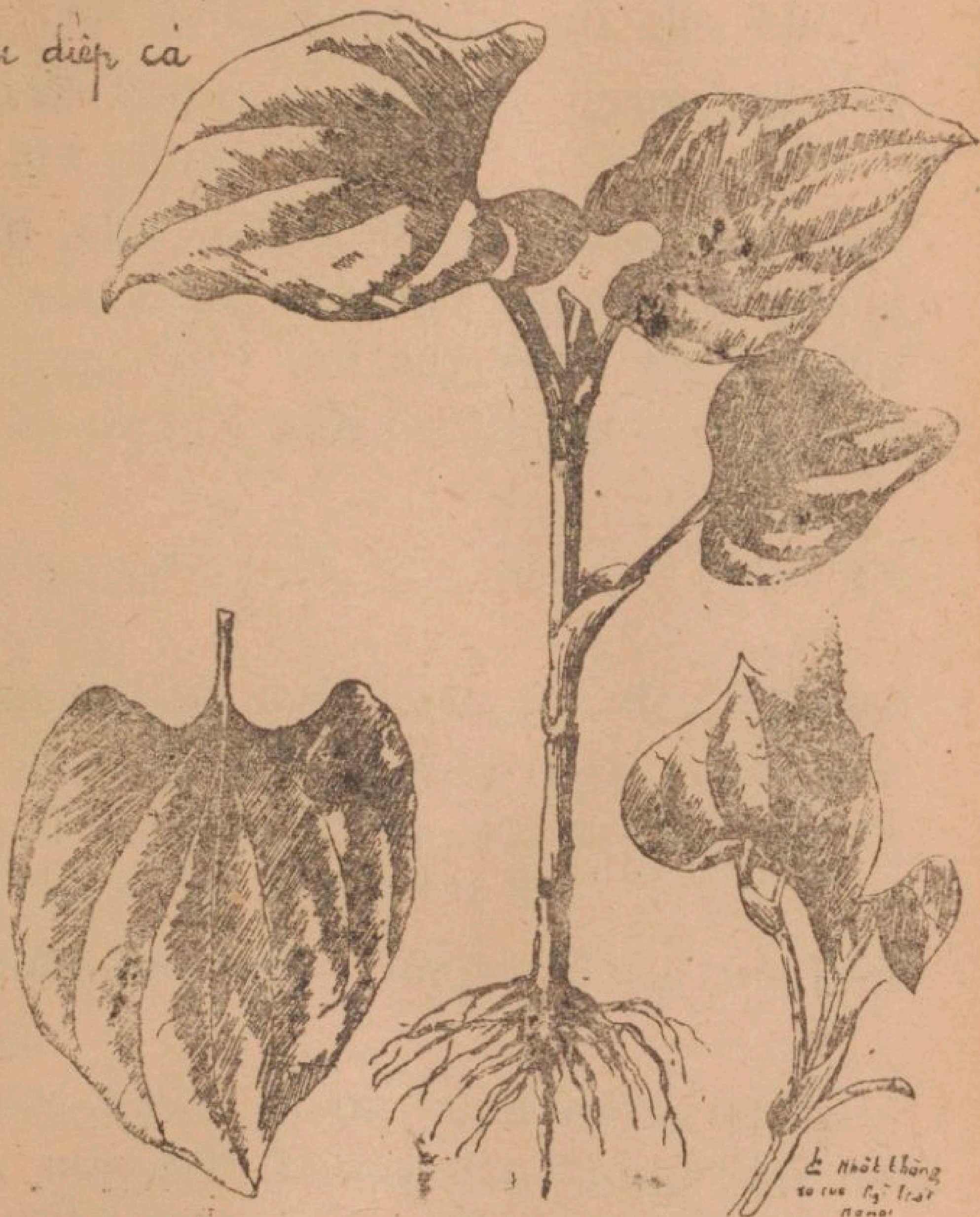


Thổ-sản. — Thường mọc ở chỗ ẩm thấp, bờ rào bờ ruộng, khe núi. Cũng có trồng ở vườn làm rau ăn.

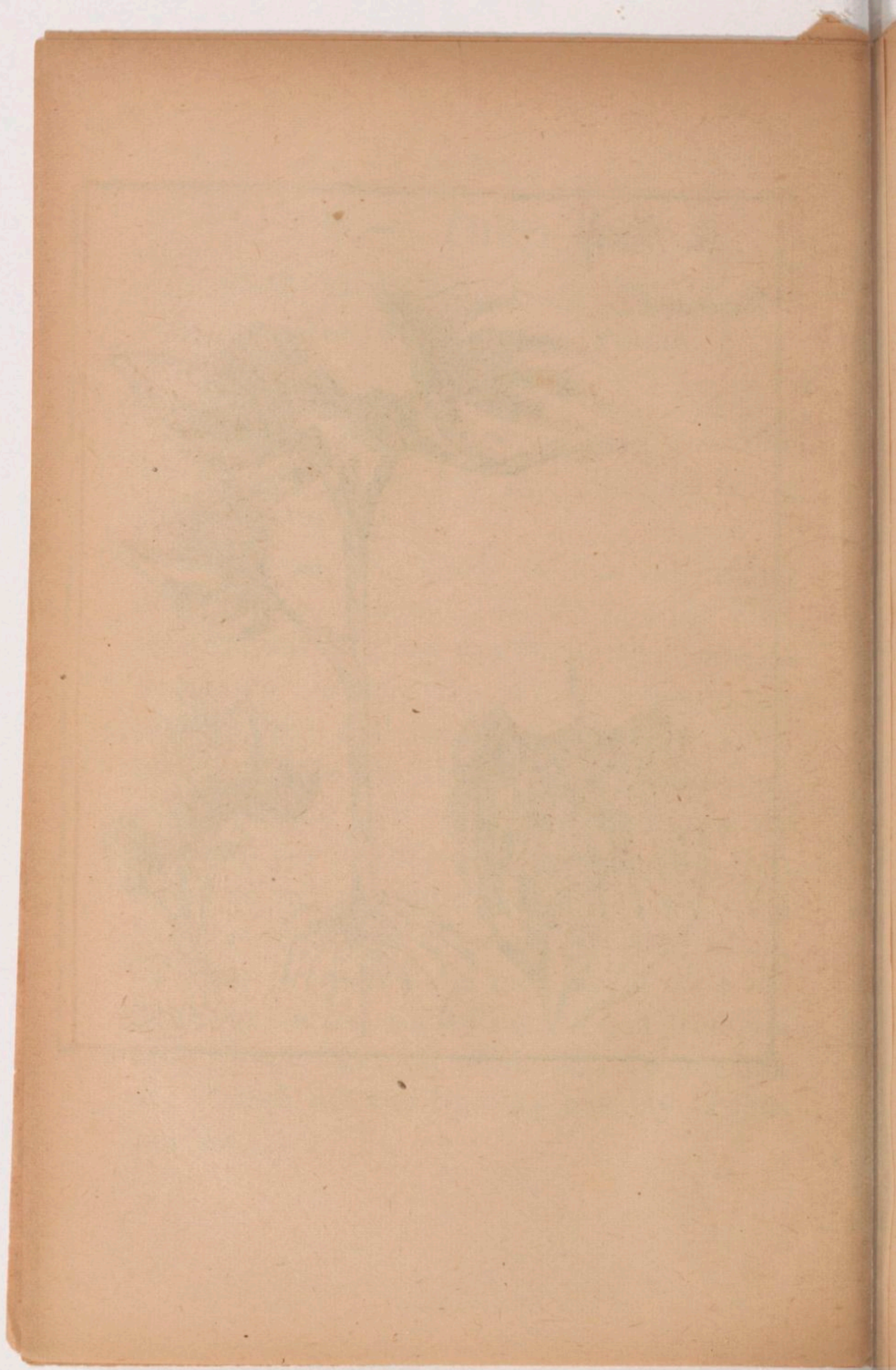
Hình sắc. — Thuộc về loài rau, giống cây Bán hạ chóc đại), cao độ 2, 3 tấc Tây, có từng đốt như cây rau Răm, trên ngọn có tua; lá áp vào thân cây, lá dày và tròn, hình như quả tim, mặt dưới tia tia, mặt trên xanh láng, có nhiều gân nhỏ, giống lá khoai Lang, vò ra có mùi tanh khó chịu như mùi cá, cho nên gọi là Diệp-cá. Đầu tháng tư trên ngọn có trổ ra những cánh hoa sắc vàng lợt, hoa không có đài, cánh hoa liền nhau, có từng chùm, ở dưới mỗi chùm có 4 cái bèn như cái đài, sắc trắng, có quả tròn mà nhỏ, trong quả có rất nhiều hạt. Có thứ hoa đỏ. Ở Huế trở vào Nam-kỳ hay lấy lá làm rau ăn.

魚腥草

Rau diếp cá



Đ. Nhứt Khổng
Sở học Lý Học
Hà Nội



Mùa hái.— Về tiết tháng 8, tháng 9 thì hái cả cây và lá phơi chỗ im cho khô.

Cách dùng.— Sắc lấy nước hoặc đã sống mà uống.

Tốt xấu.— Cây nào cành đỏ, mặt dưới lá đỏ tím là tốt, thứ nào xanh trắng không nên dùng. Có 1 thứ cây cành và lá cũng như thế, mà củ như củ Riềng, không nên dùng.

Tính-chất.— Vị cay - khi hơi ấm, hơi có chất độc.

Công-dụng.— Tả nhiệt, giải độc, thường dùng làm thuốc xổ. Vương phải nước tiểu loài sâu độc mà lột da, ta thường gọi là « giới dai » đặt lá nó rất hay.

Phân lượng.— Dùng từ đồng rưỡi đến 3 đồng.

Cấm-ky.— Phàm bệnh không có thấp-nhiệt, sang độc, không nên dùng. Cho trẻ con ăn thì chậm biết đi, thường mắc chứng đau gót chân.

Khảo chứng.— Học - thuyết Trung -

quốc— 1.) Rau Diếp-cá chữa ung-nhọt, lở ngứa, thoát-giang (Lý-thời-Trân) ;

2.) Chữa đờm nhiệt tắc ở phổi, sinh mụn thỏ ra nung huyết và chứng trĩ lở ở giang-môn, nếu ăn nhiều thì tán mất khi, hay sinh ra chứng suyễn. (Hy-Ung).

Học - thuyết mới. — Ông Crivort nói : người Nam cho là 1 vị có tính mát, đã là uống khỏi bệnh sởi (rougeole) và có thể chữa được cả bệnh lỵ, bệnh lậu nữa.

Ông Laureiro nói : bệnh mụn mà dặt lá nó thì mụn chóng làm mủ ; lại có công-dụng thông-kinh, nên chữa được bệnh kinh-bế ; thứ hoa trắng dùng làm thuốc thôi-sinh, nếu thai chết trong bụng, uống vào thì ra ngay ; rịt nó vào chỗ sưng - cây cũng có công - hiệu.

Tổng-kết.— Theo các lời bàn trên, và sự thí-nghiệm của tác-giả thì, cây Diếp-cá là 1 vị thuốc chữa sang-độc rất hay ; lại có tính giải-nhiệt, cho nên ở Bắc-kỳ dùng lá nó chữa đau mắt, đã nhỏ gói vào trong tờ giấy bản rồi đắp lên mắt cho mát ; lại là

1 món ăn của loài súc-vật, cho nên thuở xưa bên Tàu dùng lá nó nuôi lợn và bên Nhật-bản cũng dùng nuôi ngựa, họ cho là đồ ăn súc-vật rất tốt.

7.— *Gừng khô*

CAN-KHƯƠNG 乾薑

Zingiber (Ginger)

Thổ-sản. — về miền nhà quê, phần nhiều trồng trong vườn. Ở Đồng-hới (Bà-dồn) người ta trồng ngoài ruộng rất nhiều.

Hình sắc.— Nhục trắng, ngoài vỏ sắc nâu xám, có mân nhăn.

Cách chế.— Thời-Trân nói: chế Can-kương phải chọn thứ già, và trong ruột trắng, chắc, thì mới tốt và khỏi hao.

Người ta thường nướng chín làm ra Bào-kương, đốt cháy đen làm ra Hắc-kương hoặc Tiêu-kương.

Tính-chất.— Vị cay, khí nóng, không độc.

Công-dụng.— Trừ hàn, ráo thấp, cầm máu, tiêu đờm, phát mồ-hôi; chữa khí nghịch ầu thổ, hàn lãnh đau bụng, và bệnh lý, bệnh tê-thấp, v. v. đại-đề cũng giống Sinh-kương.

Theo thực-nghiệm của Trọng-Cảnh thì Can-khương chủ-trị dưới quả tim có thủy-khi ; lại kiêm chữa các chứng như : ho, ầu thổ, hạ ly, quyết-lãnh, phiền-táo, đau bụng, đau ngực, đau lưng v. v..

Khảo chứng. — Học-thuyết Trung-quốc : Nhân Quyền nói : Can-khương phá huyết, khu phong, tuyên-thông mạch lạc và thông lợi các khớp xương ; chữa tê lạnh sau lưng và chữa ban đêm hay đi tiểu-tiện ;

Thời-Trân nói : Can-khương dẫn huyết-được vào phần huyết, khi-được vào phần khí, lại hay trục huyết cũ, sinh huyết mới, cho nên bệnh huyết kém thường hay dùng, Phàm bệnh thổ huyết, nục-huyết, hạ huyết mà thuộc về âm-hàn, cần phải uống nó, nghĩa là chữa về phép «tùng-tri» ;

Hy-Ung nói : Can-khương mà chỉ được huyết, là vì huyết hư sinh ra nóng, nóng thì huyết đi can ra, cho nên sinh ra thổ-huyết, nục-huyết v. v.. Can-khương sao đen đem các thứ thuốc bổ-huyết vào phần huyết, huyết đã được bổ thì các chứng sẽ khỏi,

chứ không phải Can-khương hay trị được huyết dâu ;

Hoàng Cung-Tú nói : Phàm bệnh dạ dày hư lạnh, dương khí muốn thoát, uống Phụ-tử với Can khương thì lập-tức hồi dương, cho nên sách có chữ «Phụ-tử vô Can-khương bất nhiệt», nghĩa là Phụ-tử nhờ có Can-khương mới giúp thêm sức nóng, là nghĩa thế. Vả lại Can khương đi với Ngũ vị thì hay thông phế và chữa ho, đi với Bạch-truật thì hay bổ tỳ mà ráo thấp, đi với Qui, Thược thì hay sinh huyết.

Phàm bệnh tạng hàn dùng nó rất có công hiệu đặc - biệt. Sao đen thì vị lại đắng và mặn, sức chuyên đi xuống, cho nên lại chỉ được huyết, không phải như các vị thuốc khác chỉ lấy 1 sự «sắc đen chỉ huyết» mà thôi;

Học - thuyết mới : Anh, Mỹ dùng Can-khương ngâm vào rượu hay nước thì nó rữa ra dần dần, dùng làm thuốc hành khí, khu phong, tiêu-thực v. v., vào mũi thì hay hắt hơi, vào dạ-dày thì giúp thêm sức vận-hóa, người ta lại thường dùng làm nước súc miệng nữa.

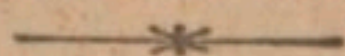
Nhật-bản : Hòa-hán-dược-khảo nói : Can-khương vị vẫn cay, sở dĩ có vị đắng là vì đốt cháy rồi biến thành ra, chứ không phải bản-vị của nó, phẩm vật gì đốt cháy đều biến ra vị đắng, chứ không phải một vị Can-khương mà thôi, cho nên chữa bệnh mà dùng Can-khương đốt cháy, mất bản - tính của nó, thì còn công-hiệu gì.

Ở Nhật - bản thường chế ra 1 thứ Can-khương không có vỏ, gọi là Bạch-khương, các thị-trường tiêu-thụ rất nhiều.

Gừng sòng

SINH-KHƯƠNG 生薑

Zingiber officinale. Rose.



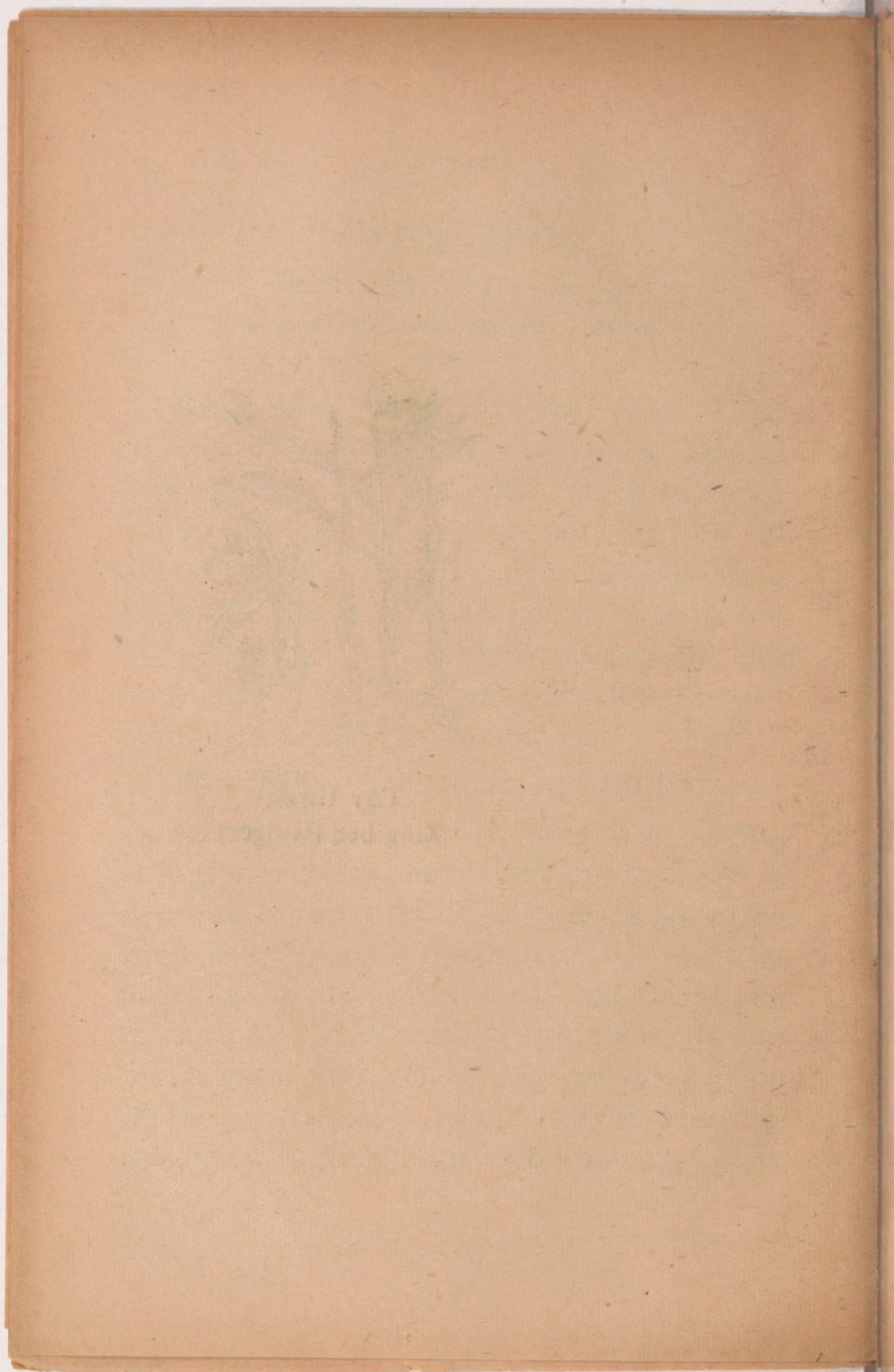
Hình sắc.— Thuộc về loài thảo ; thân cao độ 4, 5 tấc tây, lá như lá tre, mà dài hơn, cứ 2 cái mọc đối nhau ; mặt xanh, củ vàng, mỗi năm trước sau tiết Lập - thu thì củ lớn dần lên, hình như ngón tay sắp thành hàng, lúc bấy giờ hái ăn không có gân, đến mùa đông thì củ già. Tỉnh không ưa chỗ ẩm thấp, lại sợ bóng mặt trời, cho nên trời nắng quá Gừng khô mọc.

Mùa hái.— Tiết tháng 8, 9 thì bới củ.

Cách dùng.— Hoặc để sống, hoặc nướng chín gọi là ôi-Khương. hoặc dùng vỏ gọi là Khương-bì; hoặc dùng nước gọi là Khương-trấp. Người ta chế thành rượu gọi là Sinh-khương-tửu, chọn thứ chắc mà tươi, rửa sạch, dùng 1 phần Sinh-khương đã nhỏ, tẩm với 5 phần rượu, để ít lâu mà uống, làm thuốc mạnh dạ-dày ; lại chế ra Sinh-khương-đường, lấy 1 phần rượu Sinh-khương, 9 phần



Cây Gừng
Zingiber (Ginger)



nước đường hòa lẫn nhau, làm món gia-vị.

Tốt xấu.— Thử nào béo mập, không có gân là tốt.

Công-dụng.— Phát biểu, tán hàn, trừ hơi thối, thông thần-minh, uống vào kích-thích vị thần-kinh, làm cho hoạt-động mau chóng; lại hay kích-thích tiêu-trường, làm cho sức thu hút thêm lên; chữa sốt rét, đau đầu, ngạt mũi, ho hen, khi nghịch, v. v..

Theo thực-nghiệm của Trọng-Cảnh thì Sinh-kương là thuốc chữa ầu đặc-biệt, lại kiêm chữa các chứng: ợ, ọe, mửa khan, nấc cụt, v. v...

Phân lượng.— Dùng từ 5 phân đến 1 đồng.

Cấm-ky.— Phàm bệnh âm-hư nội-nhiệt và đàn bà có mang không nên dùng.

Khảo chứng.— Học-thuyết Trung-quốc: Nhân-Quyền nói: Sinh-kương trừ thấp-khi, chữa cảm-mạo ho hen, đi với Bán-hạ, chữa đau dưới quả tim, đi với Hạnh-nhân, chữa khi đầy tức ở hung-cách, đã lấy nước hòa với mật mà uống chữa bệnh trúng-nhiệt, ầu-nghịch, không ăn được.

Mạnh-Sắc nói : Sinh-khương tán phiến muộn, khai vị - khí, chữa ác - khí xông lên dưới ngực ;

Trần-Tàng-Khi nói : Sinh-khương phá huyết, hòa trung, trục hơi lạnh, lại hay giải chất độc của các vị thuốc khác ;

Trương-Dịnh nói : Sinh - khương chữa đờm suyễn đầy trướng, đau bụng rút gân và bệnh hôi-nách, lại có chất sát trùng ;

Ngô-Thụy nói : Sinh - khương giải chất độc của các loài Nấm ;

Thời-Trân nói : Sinh-khương dùng sống thì phát tán, nướng chín thì hòa trung chữa trúng độc Dạ-cầm (loài Đa-da) thành bệnh đau cổ ; đã lấy nước hòa với Hoàng minh-dao, đặt chỗ đau phong thấp rất hay. Nhưng ăn nhiều quá hay mắc bệnh đau mắt, người có bệnh mụn mà ăn Sinh-khương thì ác-nhục sinh ra ;

Hoàng-Cung-Tú nói : Thường buổi sáng ngâm 1 miếng gừng thì dầu đi giữa sương mù hoặc chỗ lam-chương cũng không can gì, vì Sinh-khương thông được thần-minh,

trừ được uế-ác, là một vị thuốc rất hay. Nhưng bệnh đau mắt nhiệt và bệnh trĩ thuộc nhiệt thì phải kiêng;

Vương - Sỹ - Hùng nói : ăn nhiều Sinh-kương thì hao-tồn tân-dịch ;

Đường-Dung-Xuyên nói : Sinh - cương khi thông-tán, trái lại hay giáng khí, chỉ ầu, bởi vì vị mạnh hơn khi ; vả lại là một giống củ trong đất, dầu có thăng-tán chẳng nữa, cũng không phải như Ma-hoàng, Quế - chi, chỉ 1 mực đi lên mà thôi, cho nên bài Tiểu-sài-hồ, bài Tiểu - bán - hạ, Trọng-Cảnh đều dùng để chữa ầu ;

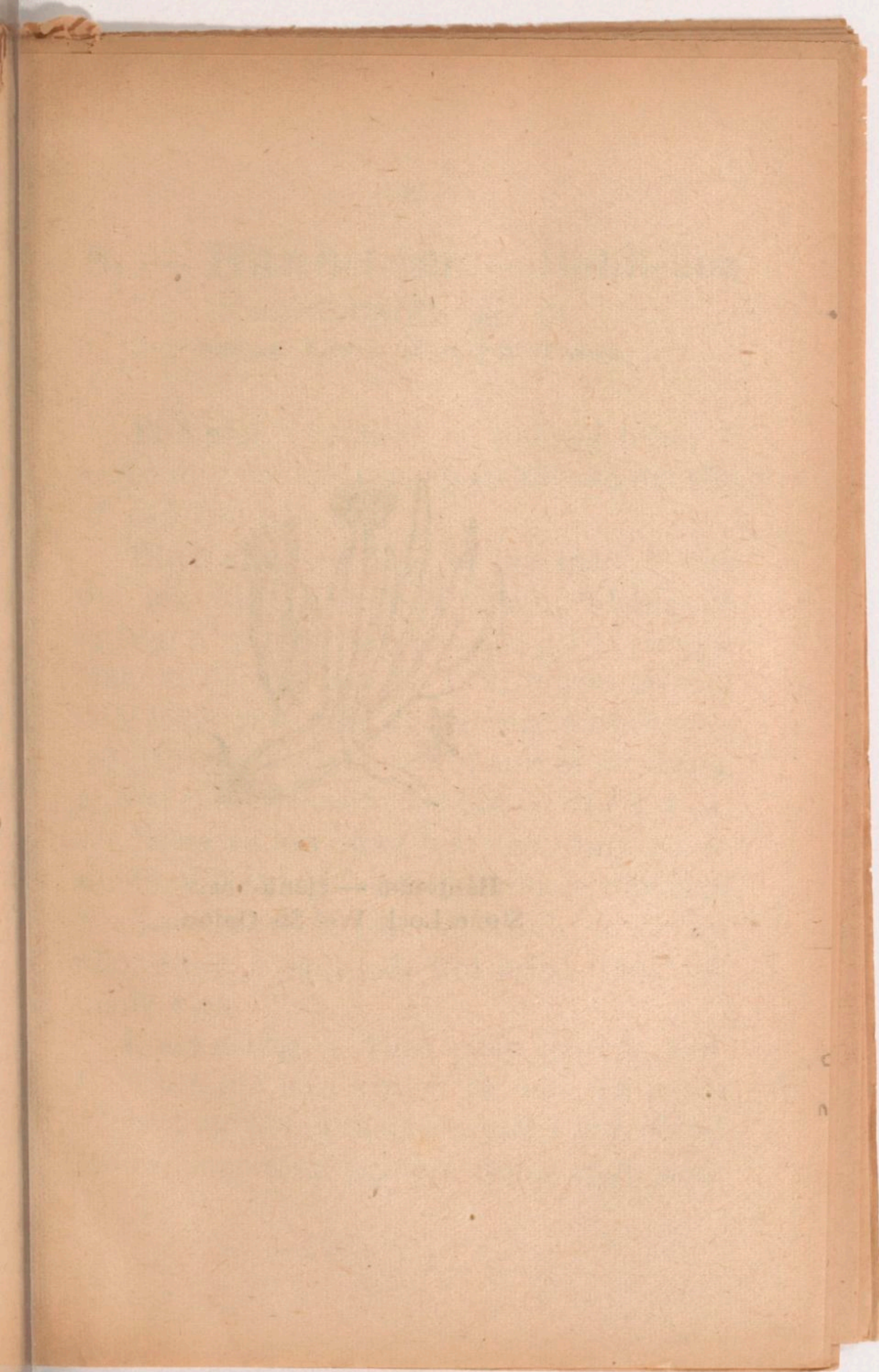
Tôn-Tư-Diêu nói : Tháng 8, 9 ăn nhiều gừng thì tổn thọ, giảm mất gân-lực, nhất là đàn bà có mang mà ăn nhiều gừng thì sinh con hay thừa ngón tay ;

Lý-Kiểu nói : Công-dụng Sinh-kương có 4 điều : 1.) Chế độc. Bán-hạ, Hậu-phác ; 2.) Phát tán phong hàn ; 3.) Dùng với Đại-tảo thì ôn-trung, trừ thấp ; 4.) Dùng với Bạch-thược thì ôn kinh tán hàn ;

Dương-Sĩ-Dinh nói : Chữa bệnh lý người ta thường dùng Cương với Trà sắc uống,

nghĩa là gừng hay trợ khi dương, Trà hay trợ khi âm, 2 vị ấy điều-hòa âm dương, tiêu tán hơi độc, cho nên bất-cứ là bệnh xích-ly hay bạch-ly, đều uống được cả.

Học-thuyết mới.— Đông-Động tiên sinh nói : Công-dụng Sinh-kương xét trong Bản-thảo Tào, nhiều nhà nói viên-vòng quá, như nói : « Sinh-kương dễ vỡ thì lạnh bỏ vỡ thì nhiệt », có biết đâu công-hiệu nó chỉ ở trong 1 cái củ, há vì sự bỏ vỡ hay dễ vỡ mà hóa ra hàn nhiệt hay sao ? Lại như nói : « Sinh-kương chế độc Bán hạ Hậu-phác », thế thì Trọng-Cảnh dùng Sinh-kương lẫn với Bán-hạ, Hậu-phác chẳng hóa ra mất tính riêng của nó mà thành một vật vô-dụng hay sao ? Ta phải biết rằng dùng thuốc có độc để trị bệnh là hay ở chỗ có độc, nếu chế độc đi thì còn bệnh gì đáng chữa nữa.





Hành-tăm — Hành-hoa.
Stone Lock Wel Sh Onion.

8. — *Hành-tằm.* — Hành-hoa

SONG-BACH 葱 白

Stone Leek Wel Sh Onion

Thổ-sản. — Người ta thường trồng ở vườn như các thứ rau, nó ưa đất cao mà xốp và chỗ khi hậu ấm.

Hình sắc. — Thuộc về loài thảo ; lá nhỏ dài lên thẳng, và tròn nhọn, không có cuống, ở trong trống, cho nên gọi là «song». Màu xanh lục, cao độ 1, 2, thước ta, đầu cuối lá ăn vào trong đất, không có ánh sáng mặt trời dội vào, cho nên thành ra sắc trắng, áp vào cuối bẹ thì có củ, 1 gốc có đến 3, 4 củ. sắc trắng và lớn bằng hạt ngô, dưới củ có nhiều rễ chính giữa nón lá trổ hoa, đầu chót hoa hình như cái bầu, rồi thành vô số hoa nhỏ, 2 lớp. 3 cánh, sắc hơi trắng-trắng, kết thành 1 nụ.

Cách dùng. — Theo phép chế của Lôi-Hiệu thì, khi mới bới củ về. bóc vỏ ngoài đi chộn với Mơ (ô mai), hong độ 1 giờ, rồi bỏ Mơ ra, đem Hành nghiền trong chậu sành

cho thành cao, đoạn phơi khô, cất đặt tử-tế. Thông thường người ta bới củ về rửa sạch, khi dùng hoặc sắc uống, hoặc nhai sống, tùy theo bệnh.

Tốt xấu. — Thừ nào củ trắng, vị cay nồng là tốt, củ hơi vàng, vị ít cay là xấu.

Tính-chất. — Vị cay nồng, ăn vào mũi hăng xông lên mũi và óc ngay, khi hòa-bình không có chất độc.

Khảo chứng. — Học-thuyết Trung-quốc; Trần-Sĩ-Lương Thực-tính-bản-thảo nói : Song-bạch giải các chất độc của loài cá, thịt ;

Mạnh-Sản Thực-liệu-bản-thảo nói : Song-bạch thông lợi các khớp xương, cầm máu cam, lợi đại-tiểu-tiện;

Đại-minh Chư-gia bản-thảo nói : Song-bạch chữa bệnh dịch thiên-thời, đau đầu phát cuồng, thổ tả rút gân, bồn-đồn, cực-khi đau bụng, chóng mặt, quả tim mê-muội ;

Lý-dông-viên Dụng-dược-pháp-tượng nói : Song-bạch chữa bệnh huyết-ly thuộc về kinh dương-minh (vị) ;

Ninh-Nguyên nói : Song-bạch chạy suốt ra ngoài và điều-hòa ở trong, lại chỉ được huyết ;

Lý-Thời-Trân nói : Song bạch chữa phong thấp, đau mình tê mõi, người lớn bị bệnh thoát-giang, trẻ con đau xoắn trong ruột, có thai đi tiểu - tiện ra huyết ; lại thông được dây sữa, tán được mụn vú, người ta thường dùng đồ vào chỗ chó dại cắn, và nó lại chế được độc của loài Kỳ-dẫn (giun) ;

Lý-Sỹ-Tài nói : Song-bạch cay ấm thông khí dương ở trên dưới, cho nên bài Bạch-thông-thang và Tứ - nghịch - thang, Trọng-Cảnh cũng thường dùng đến ;

Hoàng-Cung - Tú nói : Song-bạch ngoài chắc trong rỗng, chạy vào phế - kinh, cho nên sách nói là loài rau của phổi ; thông khí, hoạt huyết, làm cho tai mắt được tỏ-sáng. Nhưng ăn nhiều thì hại đến râu tóc ; ăn với mật, với táo thì khí ứng-tắc, lại có khi chết người ;

Cổ-Cửu-Như nói : Người ta chỉ biết dùng Song-bạch mà phát tán, chứ không biết tùy

theo bệnh mà sai-sử, như tả ở ngoài thì dùng với Ma-hoàng, Thạch - cao, v. v. . Tả ở nửa trong, nửa ngoài, thì dùng với Sài-hồ, Cát - căn, v. v. . Nếu dùng không đúng phép thì có hại.

Học-thuyết mới. — Bác sỹ Lakhovôky có chế ra 1 thứ thuốc tiêm bằng nước củ Hành để trị bệnh ung-thư, kết-quả được mỹ-mãn ;

Năm 1910, ông Morgour có dùng Hành chữa được nhiều người bị bệnh đau gan ;

Ông Dalchi cũng công-nhận Hành sống có chất thông tiểu - tiện, ông dẫn chứng có người tương giặc đang lúc chiến-tranh mà 2 chân sưng u lên, đi tiểu có chất lỏng trắng trứng (albuminerie), mỗi ngày chỉ ăn có 6 củ Hành sống, cách hơn tuần lễ nước tiểu đi nhiều, chân bớt sưng, máu được lưu - thông, hồng-hào mạnh-khỏe như thường.

Nhật-bản Đại-hòa-bản-thảo nói : Hành ở nước ta có 4 thứ : Đại - song, Tiểu - song, Đông-song, Triều-song, tựu-trung, Đại-song thì củ to mập là 1 thứ thực-liệu rất ngon, nấu chín thì mất mùi hôi, nếu nấu còn sống

thì khoan ăn. Người ta tự nhiên chết ngất, dùng lá nhọn nó châm vào lỗ mũi hay lỗ tai (nam tả, nữ hữu) cho máu chảy ra là tỉnh lại, nếu máu không ra thì chết ; trẻ con thì lấy cây Hành đút vào giang-môn cũng kiến hiệu ;

Sách Viên-sử chép : Giống Hành phải bón phân gà, nhưng kiêng tắm rửa (tóc), chỗ trồng Hành mà tắm rửa, thì nó chết khô, điều ấy sách Nông-thu Trung-quốc chưa từng chép đến ;

Sách Quyển-hoài-thực-kinh nói : Hành hay phát tán, ăn nhiều hao thần và mê-muộn thàng giêng ăn nhiều thì thường bị phong chạy (du-phong) ở trên mặt, ăn với thịt chim trĩ, thịt chó, cá chép thì hay sinh bệnh, người bệnh uống Thường-sơn, Địa-hoàng cũng phải kiêng ăn Hành.

9. — Nghệ

UẤT-KIM 鬱 金

Curcuma. Turmeric. Curcuma.

Vì nó giải được khí uất ở phế, nên gọi là Uất-kim.

Thổ-sản. — Nước ta chỗ nào cũng có, người ta thường trồng ở vườn.

Hình sắc. — Thuộc về loài thảo, cao độ non thước tây, lá như lá Hoàng tinh, màu lợt; hoa như hoa cây khoai Chuối mà lớn hơn, nhiều bao nhỏ hình như cái vảy sắp lại, ở trong có 3, 4 cái nhị vàng. Củ như củ gừng mà sắc vàng, dài từ 1 tấc đến 2, 3 tấc ta.

Cách chế. — Đào lấy củ cắt bỏ rễ, thái ra từng phiến mỏng, phơi khô, hoặc đã cả củ mà dùng.

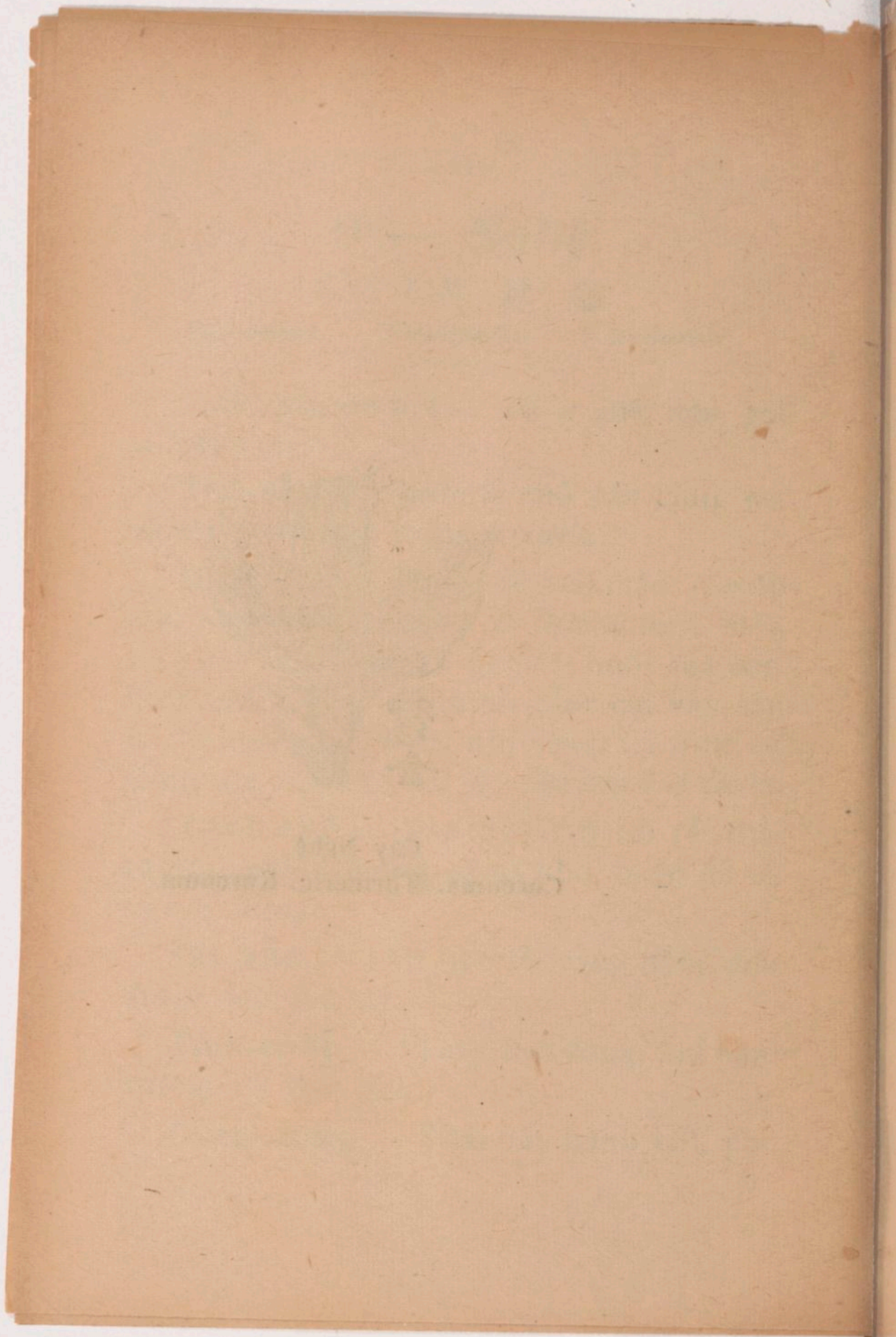
Tốt xấu. — Thử nào sắc vàng đậm, mùi thơm nồng là tốt.

Tính-chất. — Vị cay hơi đắng, khỉ hàn, không có chất độc.

Công-dụng. — Khai uất, hành khí, phá



Cây Nghệ
Curcuma. Turmeric. Kurcuma.



ứ-huyết ; chữa bệnh đi đái ra huyết, và các vết thương.

Phân lượng. — Dùng từ 1 đồng rưỡi đến 2 đồng.

Cấm-kỵ. — Người âm hư, không có ứ-huyết không nên dùng.

Khảo chứng. — Học - thuyết Trung - quốc :

1) Dùng độc vị Uất-kim chữa đàn - bà huyết ứ đau bụng ; hoặc bị Ngựa cắn sưng đau, thì mài Uất-kim với dấm mà đồ vào (Nhân-Quyền) ;

2) Uất-kim có tính chất làm cho quả tim được mát-mẻ (Trương-Nguyên-Tổ) ;

3) Uất-kim chữa đàn bà sau khi sinh cũ, huyết xông lên hóa ra điên cuồng và giải được cổ-độc (thuốc-độc) (Lý-Thời-Trân) ;

4) Uất-kim vị cay thì phát tán, vị đắng thì đi xuống, cho nên giáng được nghịch-khi, vào tâm, can và vị, cho nên chữa được huyết-tinh ; lại hay cầm máu sinh da non, cho nên chữa được các bệnh thất-huyết, và bị thương, mụn lở, v. v. (Hy-Ung) ;

5) Uất-kim thể-chất nhẹ-nhàng mà khi thi chạy mạnh, dùng nó phải xét bệnh hàn hay nhiệt, rồi hợp với các vị khác làm thuốc tá-sứ thì mới có công-hiệu (Hoàng Cung-Tú);

6.) Ta không nên nhận lầm hai chữ «Uất-kim» mà đem nó chữa các bệnh uất. Ví dụ bệnh kinh - nguyệt không thông, mà thuộc về chứng thật thì dùng nó cũng không can gì nếu thuộc về chứng hư thì uống vào rất nguy-hiểm; hơn nữa là bệnh uất phát ở tâm, tỳ, thành chứng lao-tồn và đản-bà có mang lại càng nên kiêng uống. (Trần-Tu-Viên).

Tham-khảo.— Theo sự thí-nghiệm ở xứ ta thường dùng Nghệ chữa bệnh sán khí, bệnh hoàng-dẫn bệnh kinh-bế, đản - bà đẻ hay nường Nghệ ăn để trục ứ-huyết, nhất là bệnh Cúm, thường đã Nghệ với dấm-thanh, vừa xoa vừa uống rất hiệu-nghiệm. Lại hay cho trẻ - con mặc áo vàng nhuộm Nghệ để đề-phòng các bệnh.

Ở Cao-miên, người ta thường dùng lá Nghệ chữa bệnh sốt-rét, dùng củ Nghệ để chữa bệnh ho, làm thuốc ghẻ - lở, thuốc phong - bại.

Ở Java, dùng Nghệ chữa bệnh đau gan, trong uống ngoài rịt rất kiến hiệu.

Ông Hérand nói : Nghệ là một thứ thuốc tiêu tích rất mạnh, chữa bệnh đi ỉả lỏng và thông được tiểu-tiện.

Các lời bàn của các người đời sau.

Trương Sơn-Lôi nói : Uất - kim thứ tốt, sắc vàng đậm như máu, có chất cay-thơm, cho nên người ta cho là giải uất, nay họ hay lấy Khương-hoàng mà thay vào thì có hại, khi dùng phải cẩn-thận ;

Vương Tri-Hoa nói : Uất-kim là một vị thuốc giáng khí, giải uất, cho nên Thạch-nguyên - bảo - tử - thị (thầy thuốc Nhật-bản) dùng chữa các bệnh như : thổ huyết, nục-huyết, khạc ra huyết, đi tiểu-tiện sa huyết, và đàn bà kinh-nguyệt đi ngược, đau bụng, v. v. . Công - dụng nó hơi giống Nga - truật, Khương - hoàng, nhưng Nga - truật vào can, chữa được huyết ở trong khí, Khương - hoàng vào tỳ chữa được khí ở trong huyết, Uất-kim thì vào tâm chuyên chữa huyết ở trong bảo - lạc ; lại có công - hiệu đặc - biệt là : « tiêu được huyết cũ, sinh được huyết mới ».

10. — Tỏi

ĐẠI TOÁI 大蒜
Allium. Garlic



Thổ-sản. — Thường trồng ở vườn, ưa đất cao ráo có màu và chỗ khí-hậu ẩm.

Hình sắc. — Thuộc về loài cỏ sống một năm; củ có nhiều múi hợp lại; lá hình như lá Thủy-tiên, nhỏ dài và mỏng; mùa hạ ở cuối bẹ lá nở búp hoa nhỏ và trắng có nhiều nụ; củ và cây có mùi hăng mãnh-liệt; ở giữa bẹ cây thường có hạt bằng hạt lúa, mùi rất cay hăng, làm thuốc cũng dùng như củ nó.

Cách dùng. — Tỏi đã già thì bới lấy củ, buộc thành bó treo trong nhà cho khô dần.

Tốt xấu. — Vị cay thơm-chất đặc, củ nào chỉ có một mối (độc đầu Toái) là tốt nhất.

Tính-chất. — Vị cay mùi thơm, tính nóng, hơi có chất độc.

Công-dụng. — Trừ hơi bản-thử, thông các khiếu; chữa bệnh ung-thư, bệnh quan-



Cây Tỏi
Đại toái 大蒜
Allium. Garlic.



1841
Gai non A.
Albina varieg.

cách và bệnh phế kết hạch (trong phổi có vết đen, tức là bệnh lao), tiêu đờm, lợi tiểu-tiện, giúp sức vận-động của dạ-dày, cho nên chữa được bệnh tả, bệnh lý, mà thuộc về nguyên nhân kém tiêu-hóa; lại làm cho máu được lưu - thông và kích - thích các dây thần-kinh, bài-tiết chất đờm ở trong ống phổi ra.

Phân lượng. — Dùng từ 1 đồng đến 2 đồng.

Cấm-kỵ. — Người âm hư hỏa vượng chớ dùng.

Khảo chứng. — Học-thuyết Trung-quốc :

1) Tỏi hạ khí, tiêu đồ ăn, và các chất thịt (Tô-Cung);

2) Tỏi trừ phong-thấp, phá hơi lạnh, chữa bệnh nước độc sinh ngứa, bệnh loét mỳ mắt và bệnh lở-láy (Trần-tàng-Khi);

3) Tỏi chữa bệnh hoắc-loạn rút gân, đau bụng, bệnh cơn, bệnh thời-khi, và mắc thuốc độc, nếu ngâm với dấm-thanh lâu năm càng hay (Nhật-hoa);

4) Tỏi đã lấy nước mà uống, chữa bệnh cảm nắng mê-man, bất-tĩnh, đặt vào lòng bàn chân, cầm được máu cam ; hòa Đậu-kỷ làm hoàn mà nuốt, chữa bệnh tự-nhiên hạ huyết (Khấu-Tôn Thích) ;

5.) Tỏi băm-thụ lấy kim-khi và hỏa-khi, vị cay mà ấm, mùi thơm hăng rất mạnh, thường hay hao huyết và mờ mắt, công-dụng nó chỉ ở chỗ thông-hành các tạng phủ mà thôi (Hy-Ung) ;

6.) Tỏi tuy công-dụng rất nhiều, đại-dễ vị cay thì thông được khí, tính ấm thì trừ được hàn, nhưng ăn nhiều thì sinh đờm, động hỏa, hao huyết, tổn thần, nhất là không nên ăn lẫn với mật, vì khi ứng-trệ có khi làm chết người (Hoàng Cung-Tú) ;

7.) Tỏi dễ sống thì cay hăng, có độc, nấu chín thì ôn-hòa, mà trị bệnh không có hại gì, trừ được chất độc của các loài tôm, cá, nhưng đàn-bà có mang, trẻ con lên sởi, lên đậu và những bệnh ở mắt, ở lưỡi, ở cổ đều nên kiêng (Vương Sĩ-Hùng).

Tháng 4, tháng 8 ăn Tỏi thì có hại cho

trình-thần, ăn Tỏi mà nhập phòng thì hại đến can và thận, trong lúc uống thuốc bổ không nên dùng Tỏi (Tôn-Tư-Mạc).

Học-thuyết mới : Nhiều nhà Bác-sỹ đã xét rằng ở Proche Orient rất nhiều người sống ngoài 100 tuổi chỉ vì hằng ngày ăn Tỏi luôn, thậm-chí bữa ăn nào cũng có món Tỏi, bởi vì trong Tỏi có chất bổ ;

Tỏi ấm tỳ, vị mà tiêu - hóa chất đờm, nhưng nó có độc, không nên ăn nhiều mà sinh ra buồn-tức. Người ta dùng Tỏi xát vào da thì phát nóng mà đau, thế thì sách Cương - mục - bản-thảo nói : « giải độc » là không dùng ;

Tỏi là 1 vị thuốc phòng bệnh dịch rất hay, cho nên danh - y Ormbroise thường khuyên người ta nên ăn Tỏi với bánh và bơ, rồi uống rượu Vang trước khi đi làm việc ;

Hà-lan-độc-kinh nói : (Nhật - bản) Tỏi có chất dầu phát tán (phát-huy-du), cho nên uống vào kích-thích các bộ-phận, làm cho ra mồ-hôi, lợi tiểu-tiện, Tỏi lại có chất sát

trùng, nên người ta thường dùng chữa bệnh giun sán.

Người La-mã trước hồi dân-chủ đã biết dùng Tỏi, nên có câu ca-dao : « dầu bị mùi Tỏi, mùi Hành, ông cha vẫn giữ tinh thần thơm tho ».

Năm 1726, ở Marsulle có bệnh dịch thiên-thời, có 4 người ăn trộm thường dùng 1 thừ Dấm ngâm Tỏi, để phòng ngừa bệnh dịch, về sau nhiều người dùng Dấm ấy đều thấy công-hiệu, nên người ta đã tặng cho thừ Dấm ấy một tên là : « Dấm 4 người ăn trộm ». Ông Bartholin khảo-sát thấy Dấm ấy có chất thông tiểu-tiện. Ông Sydenham lại thí-nghiệm dùng chữa bệnh thủy-thũng.

Tỏi dùng với Dấm chữa bệnh sốt-rét và sát-trùng, cũng chữa được bệnh đau phổi, bệnh lở, bệnh sài và dặt vào tán được những cái chin-dạn ở chân.

Phân-chất theo hóa-học thì thấy :

Nước 61.33%. Chất mỡ 6.10%.

Chất đường 30.40%. Chất mặn 1.14%.

Chất đạm 6.64%. Chất dầu 0.07%.

Chính vì chất dầu này mà Tôi có mùi hôi đặc-biệt mà lại lâu phai. Những công-dụng chữa bệnh của nó mà người xưa đã khảo-cứu không đến nỗi sai lầm.

Mới đây ông Linh-dương ở tỉnh Quảng-ngãi, có đăng bài ở Y-học-tạp-chí số 36, kể chuyện 1 người bị bệnh ho lao đã 40 tuổi, uống thuốc không khỏi, sau ăn Tôi thấy bớt, rồi dùng nó ăn với gan cá Nhám, ít lâu mạnh khỏe, thế thì Tôi trị bệnh lao có chứng cứ rõ ràng. Ta nên thí-nghiệm cho đích - xác.

Tên bệnh và phép chữa

1.— ÂM - THU 陰 疽

(Bệnh mụn thuộc về âm hàn)

Mụn phát không sưng, đau lắm, sắc da không thay đổi, gọi là «âm thu».

A— Lúc bắt đầu dùng 1 lạng Hành-tăm, 4 lạng bột Gạo, sao đen, nghiền nhỏ, hòa với Dấm-thanh đổ vào, hồi lâu lại thay đi, bao giờ tiêu hết là được.

2— ẪU - THỔ. 嘔 吐

(Nôn-mửa)

A — Lúc vội vàng không có thuốc, dùng 1 miếng gừng sống mà ăn sẽ khỏi.

B — Hoác-hương 3 đồng. Gừng sống 4 đồng, Trần-bì 1 đồng, đổ 1 bát nước, sắc lấy nửa bát, uống khi nóng.

C — Nôn mửa mà có lẫn đờm, dùng nước gừng sống, nước Tre non, 2 thứ lẫn nhau, hâm nóng mà uống.

D — Nếu chỉ nôn khan, dùng 1 chén nước Mía, 1 chén nước gừng, hòa lẫn mà uống.

3 — BỊ THƯƠNG 被 傷

Bị đánh-đập, vấp-chạy hay dao đâm.

A — Bắc nước Hành - tắm rửa chỗ bị thương, sẽ cầm máu tán ứ mà mau khỏi.

B — Nếu sưng-đau lắm, dùng Hành tắm đã vắt lấy nước cốt đồ vào hoặc rịt vào cũng được.

C — Nếu có ứ-huyết ở trong, dùng Hành-tắm 30 củ, Thầu - dầu - tía 5 hạt, đồ 3 bát nước, sắc lấy 1 bát, uống một lần cho hết, hồi lâu sẽ mưa hoặc đi đại-tiên ra máu là khỏi.

D — Bị thương vỡ đầu, dùng Hành-tắm đã nhỏ, rịt vào ít lâu sẽ khỏi.

Đ — Nếu sai khớp xương, dùng Hành-tươi, Gừng-tươi, 2 thứ đã nhỏ chừng 1 nắm to hòa với tro Lúa nếp, đắp vào băng chặt lại, lâu sẽ khỏi.

4 — CAI NHA - PHIẾN

Chữa nghiệm Nha-phiến, dùng 1 lượng Gừng già, 1 lượng vỏ Quít (lâu năm) đồ 2 chén to nước, vào sắc lấy 1 chén. lọc kỹ

cho trong, hòa 1 thìa (muỗng) Dấm thanh vào, lại bỏ thêm 8 phân thuốc Phiện vào uống, mỗi ngày 1 chén như thế. Đồng-thời thuốc hút phải bớt lần mỗi ngày 1 ít, đến lúc bớt hết, chỉ uống thuốc nước ấy thôi, nếu người bệnh trước kia mỗi ngày hút 1 lần, thì 10 ngày khỏi hẳn.

5 — CẢM-MAO. 感冒

Cảm phải phong-hàn, ho nóng đau đầu, ngạt mũi, ngay lúc mới cảm.

A — Gừng-sống 3 đồng, Hành-tăm 40 hạt, đổ 2 bát nước sắc còn 1 bát, uống hết, đắp chăn cho mồ-hôi ra là khỏi.

B — Dùng 1 lạng Gừng-tươi đã nhỏ, chọn vào bát cháo nóng mà ăn.

C — Bạc-hà 3 đồng, Gừng-tươi 4 đồng, Hành-tăm 3 đồng, đổ 2 bát nước sắc còn 1 bát, uống khi nóng.

D — Lá Tia-tô 1 nắm, Gừng-tươi 1 củ, sắc uống.

Đ — Một nắm Hành-tăm, 1 bát Đậu-kỷ đã nhỏ, pha nước nóng mà uống.

E — Gừng sống, Hành tươi đều nửa cân, cho vào 1 thùng nước, nấu sôi mà xông, ngoài phủ chăn kín lại cho ra mồ-hôi, nhưng phải chừa lỗ miệng và mũi ra mà thở.

G — Nếu mùa hè cảm nắng không ra mồ-hôi, dùng Gừng sống 1 củ, dâ nhỏ, xát cả mình cho ra mồ hôi là khỏi.

6 — CƯỚC KHÍ 脚氣

A — Cảm phải hàn-thấp, đau sưng gót chân, đau lên đến đầu gối, gọi là thấp cước-khi, dùng hạt Bo-bo, cỏ-Xước đều 1 lạng, Gừng-tươi 5 đồng, cho vào 3 bát nước sắc còn một bát, uống khi đói bụng, mỗi ngày 2 lần.

B — Cảm phải thấp-nhiệt, đau co-rút cả gối, mà không sưng, gọi là can-cước-khi, dùng lá Mã-đề, hạt Bo bo, đều 1 lạng, cỏ Xước 5 đồng, sắc uống.

7 — CÚM

Cảm phải thời-khi phát nóng, ghê-rét, ho-hen, đờm tức, đau đớn cả mình, chân tay mỗi mệt, bệnh có cách truyền-nhiễm.

A — Nghệ 4 đồng, Khoai-lang khô 1 nắm, Dấm thanh nửa bát, đồ 2 bát nước, sắc lấy 1 bát, uống khi nóng.

B — Gừng-tươi và Khoai-lang khô, mỗi thứ dạn-ông đều 7 miếng, đàn bà đều 9 miếng, gia 1 tý Muối, sắc uống sẽ khỏi.

8 — CHÂN CHAI

A — Dùng củ Tỏi tươi dĩa nhỏ, buộc vào chỗ chai, ngày thay 2 lần, 5, 7 ngày sẽ khỏi.

B — Nếu có chín dạn, nướng Hành tươi cho chín, đắp vào chỗ đau, hễ vỡ mủ thì lấy da Giép đốt cháy, tán bột rắc vào.

9 — CHÓ CẢN

Dùng Cỏ - Dĩ tươi cả cây và lá dĩa nhỏ, vắt lấy nước mà uống, bã thì đắp vào chỗ bị cản sẽ khỏi.

10 — DA BỤNG TÊ CỨNG

腹 皮 頑 痺 (Phúc bì ngoan tý)

Nấu Hành-tăm ăn cho nhiều sẽ khỏi.

11 — DẬT LÔNG MÀY

眉 毛 搖 (My mao-dao)

Lông mày tự-nhiên lay-dộng, mắt không

nhấm được, dùng Tỏi 3 lạng đã lấy nước hòa rượu vào mà uống, sẽ khỏi ngay.

12 — DI-TINH 遺 精

Dùng củ Mai 1 lạng, hạt-Sen 1 lạng, tán bột, uống mỗi lần 4 đồng với nước cơm, mỗi ngày 2 lần khi đói bụng, nhưng phải kiêng sắc-dục và lo nghĩ, lâu ngày mới kiến-hiệu.

13 — GIUN SÁN

A — 1 nắm rễ Bo-bo, 1 nắm rễ Cam, cho 2 bát nước vào sắc lấy 1 bát, buổi sáng còn đói bụng thì uống, liên-tiếp 4, 5 ngày giun sẽ ra hết.

B — Hàng ngày dùng Tỏi ngâm rượu mà uống, nó sẽ tiêu hay trục ra hết.

14 — ĐAU BỤNG LẠNH

寒 腹 痛 (Hàn phúc thống).

Đau bụng mà chân tay quyết lạnh, hoặc ém vật gì nóng thì đỡ.

A — Mỗi ngày dùng 1 củ Tỏi, ăn với 1 chén dấm, buổi sớm và tối ăn luôn sẽ khỏi.

B — Gừng 4 đồng, Hành 10 củ, đồ 1 bát nước, sắc còn nửa bát rồi uống.

15 — ĐAU BỤNG TRÙNG

虫 痛 (Trùng thống)

Đau bụng mà hay ứa nước miếng ra, hoặc ăn vào thì bớt đau. Dùng 5 cây Hành cả củ và lá, dā nhỏ chọn với 4 lạng dầu Vừng mà uống, độ 1 giờ trùng hóa thành nước vàng mà ra.

16 — ĐAU CỬA MÌNH

陰 痛 (Âm thống)

A — Dùng Nghệ-sống 1 củ, Phèn-chua 1 khối, mài với nước cơm mà xoa chỗ đau, rồi hơ lửa luôn sẽ khỏi.

B — 5 lạng cỏ-Xước, cho vào 3 bát nước, sắc còn nửa bát, chia làm 3 lần uống, trước khi ăn độ nửa giờ.

17 — ĐAU DẠ-DÀY

胃 痛 (Vị thống)

A — Đau dạ-dày, ăn vào mửa ra, dùng cỏ Dī rang vàng, tán bột, hòa mật, viên bằng hạt Ngô, mỗi lần nuốt 50 viên với nước nóng.

B — Dùng 1 nắm Tỏi đã nhỏ, rịt vào chỗ đau.

18 — ĐAU ĐẦU

頭痛 (Đầu thống)

A — Dùng 1 củ gừng và 1 đồng Long-não, cắt gừng thành phiến, đặt lên chỗ đau, rồi rắc Long-não lên trên phiến gừng, đoạn lấy lửa đốt cho Long-não cháy, nó hút độc ra là khỏi.

B — 2 củ Tỏi, 1 nắm lá Ngải-cứu, đồ ít rượu chung lên cho nóng, đặt vào trên đầu.

C — Ngải-cứu 1 nắm, Hành-tăm 10 củ, Tỏi 1 củ, gừng 1 củ, đã nhỏ, đắp vào trán, buộc lại bột ngay.

19 — ĐAU MÀNG PHỔI

肺痛 (Phế thống)

Đau tức trước ngực, ho thở, tức là triệu chứng đau màng phổi. Dùng Ô-mai 1 quả, gừng 1 củ, sữa bò 1 cốc, trứng gà 1 quả, cho vào nồi, bỏ gạo Tẻ vào nấu cháo ăn thường, ít lâu sẽ khỏi.

20 — ĐAU MẮT

目 痛 (Mục thống)

Tự-nhiên con mắt đỏ lên, lấy đồng-tiền lâu năm, rửa sạch, mài với nước Gừng, rồi lọc cho trong, mà điểm vào, nước mắt chảy ra là khỏi.

21 — ĐAU TRONG LỖ TAI

耳 中 痛 (Nhĩ trung thống)

A — Uất - kim 1 đồng, tán bột, hòa với chén nước, rót vào lỗ tai, một vài phút nghiêng tai cho nước ấy chảy ra thì đỡ đau.

B — Dùng củ Nghệ già, đồ ít nước vào cái vung (vàng) mới. rồi mài Nghệ vào đó, lấy nước ấy nhỏ vào lỗ tai.

C — Dùng 1 củ Tỏi đã nhỏ, hòa với nước lã, nhỏ vào cũng được.

22 — ĐAU RĂNG SÂU

牙 虫 痛 (Nha trùng thống)

A — Dùng 1 nắm rễ Bo-bo và 1 nắm củ rau Má, tán bột, xúc vào răng.

B — Dùng củ Tỏi cắt nhỏ, nhét vào kẽ răng đau sẽ khỏi.

23 — ĐĨA VÀO ĐÍT

Khi ta ở dưới nước, vô-ý mà đĩa vào lỗ đít rất nguy-hiểm.

Dùng Hành 1 nắm mật Ong 1 chén, đâm lẫn nhau, hòa thêm ít nước, lấy ống thụt vào đít thì Đĩa sẽ chết mà ra hết.

24 — ĐÌNH PHÁT SAU LƯNG

背 疔 (Bối-đình)

Dùng cỏ Dĩ phơi khô tán bột, uống mỗi lần 5 đồng với rượu, mồ-hôi ra là bớt.

25 — ĐÌNH SANG 疔 瘡

A — Dã lá Diếp-cá hòa thêm ít nước rịt vào, nếu thấy đau cũng cứ để vậy, đừng cắt đi, lâu sẽ khỏi.

B — Vò lá Bạc-hà dặt vào trên nhọt đình.

C — Dã Hành - tắm rịt vào cũng được.

D — Cạo ít bột trong cối đá xanh, dùng Tỏi cắt ra chấm bột ấy xát vào trên nhọt đình, cho chảy nước ra là tan hết.

26 — ĐIÊN - CUỒNG 顛 狂

Huyết uất ở tâm, can sinh bệnh điên-

cuồng, dùng 7 lạng Nghệ, 3 lạng Phèn-phi, tán nhỏ, viên với hồ bằng hạt Ngô, mỗi lần uống 50 viên với rượu, mỗi ngày 2 lần.

27 — ĐƠN ĐỘC Ở MẮT CÁ

Dã Tỏi tươi rịt vào, khô thì thay miếng khác, vài ba lần sẽ khỏi.

28 — GAI ĐÂM VÀO THỊT

刺入肉 (Thích nhập nhục)

A — Lấy lá Bồ-công-anh và lá cỏ Xước, dã nhỏ, rịt vào thì gai ra ngay.

B — Nếu vô-ý đập phải gai, dã Hành - sống với Muối, đồ vào chỗ đau, có gai thì nó rút ra, không cũng êm dẽ chịu.

C — Hành - Tăm 1 nắm, củ cây Lọ - chó (Nam-tinh) 1 nắm, Muối 1 ít, dã lẫn nhau, nướng cho chín, rửa chỗ bị thương cho sạch, mà buộc vào thì chóng lành.

29 — GHẺ HỜM

Dùng lá cỏ-Xước lá Chanh non, xắt như xắt thuốc Lá, đoạn lấy lá Chuối-tiêu (rạch theo chiều gân của lá) gói 2 vị trên đắp lên

đám ghẻ mà rịt lại, làm cho hơi thuốc thấm vào chỗ đau sẽ khỏi.

30 — HO NHIỀU ĐỜM

咳 多 痰 (Khái đa - đàm)

Lấy 5, 6 miếng Gừng, 1 nắm lá Chanh, đổ nước vào sắc đặc mà uống, sẽ lợi đờm, dễ ho mà chóng khỏi.

31 — HOÁC - LOẠN 霍 亂 (Trên mưa dưới tả)

A— Hoác-loạn nguy-cấp quá, dùng 5 lạng Gừng, 1 nắm phân con Nghé, (Trâu con) đốt cháy, cho vào 4 bát nước sắc lấy 2 bát, lọc trong, chia làm 2 lần uống.

B— Hoác - loạn rút gân, dùng 3 lạng Gừng, 1 bát Rượu, sắc uống, còn bã đặt vào chỗ gân chuyển ấy, hoặc dùng Tỏi dā nhỏ, đặt vào lòng bàn chân, nằm yên hồi lâu sẽ khỏi.

C— Hoác-loạn phiền-táo không nằm yên được, dùng Hành-tầm 20 củ cả cây và lá, Táo 20 quả, đồ 3 bát nước sắc lấy 2 bát, chia làm 2 lần uống, cách nhau độ nửa giờ.

D— Vì cảm phải khí lạnh mà sinh bệnh hoác-loạn, tay chân buốt, dùng Can-khương (nướng) 5 đồng, Hoác-hương 2 đồng, đồ 2 bát nước, sắc lấy 1 bát uống khi nóng.

Đ— Lại có bệnh Can-hoác-loạn, muốn mưa, không mưa được, muốn tả, không tả được. Dùng 1 cân Gừng, đồ 7 bát nước, sắc còn 3 bát, chia làm 3 lần uống.

32— HÓC XƯƠNG

A — Hóc xương cá, dùng Tỏi tươi, nhét vào lỗ mũi, tự - nhiên xương ra hoặc nuốt xuống.

B— 1 nắm cỏ Xước vò cho nhuyễn, ngâm vào bát nước lã, mà uống cũng khỏi.

33 — HO - HEN

咳嗽 (Khái thẩu)

A— Chữa ho mãi không khỏi, dùng Gừng sống 5 lạng, đường Cát 8 lạng, cho nước vào, nấu đặc như chè mà ăn thường.

B— Chữa ho gió ngựa cổ, dùng củ Nghệ nướng chín, bỏ vỏ thái thành phiến, điều

với tỷ Muối ngâm dần dần, nếu lần với một ít Phèn phi, viên lại mà ngâm càng hay.

C — Thiên-môn 3 đồng, Gừng 1 lạng, thái nhỏ, cho vào 1 chén mật ngào kê mà ngâm rất hay.

D — Tỏi nướng chín, ăn mỗi lần 1 củ, 1 ngày ăn 2, 3 củ, ít lâu sẽ khỏi.

D — Dùng Tỏi cả củ, lá và rễ đã vắt lấy nước cốt, uống mỗi lần 10 giọt, đến 20 giọt sẽ khỏi.

E — Dùng 1 củ Tỏi cắt ra từng miếng, mỗi miếng bọc giấy bản lại, ăn cơm xong nuốt 1 liều làm như thế dăm, bảy lần sẽ khỏi.

34) HUYẾT-NGHỊCH. 血 逆

Vi huyết nghịch lên đau tức giữa ngực, dùng Tỏi tươi đã nhỏ, hòa với nước nóng mà uống.

35) HUYẾT ỦNG 血 擁

Cả người tự-nhiên trời ra các dây thịt dài và nhọn như cái dùi, đau ngứa khó chịu, gọi là «huyết ủng», thuộc về loài quáy-

bệnh ít có, ngoài dùng Hành-lăm, đốt cháy hòa với nước mà rửa chỗ ấy, trong sắc Đậu-kỷ lấy nước mà uống.

36 — KIẾT-LY 結 痢

A — Chữa ly đi ra máu, sắc nước Bạc-hà mà uống thường.

B — Bất cứ là xích-ly, hay bạch-ly, dùng Gừng thái mỏng pha nước Trà mà uống rất hay.

C — Đi ly mà không ăn được, gọi là «cấm-khẩu ly» dùng 1 cân củ Mai, (nửa sao, nửa để sống) tán bột uống với nước cơm, mỗi lần 3 đồng, ngày 3 lần, dần dần sẽ khỏi.

37 — KHAN TIẾNG

啞 聲 (A thanh)

A — Gừng 1 củ thái mỏng, đồ nửa bát nước vào luộc sôi, rồi lấy nước ấy xúc miệng, rồi nhổ ra hay nuốt tùy ý.

B — Ăn 1 củ Hành-sống sẽ đỡ.

C — Gừng 2 đồng, ô-mai 4 quả, cho vào 1 bát sữa đun sôi, ngậm nuốt dần dần.

38 — KHÍ-NGHỊCH. 氣 逆

Khí xông nghịch lên, hoặc ợ, hoặc tức,

A — Dùng gừng-sống ăn sẽ khỏi.

B — Dùng 2, 3 củ Tỏi nướng ăn vài ba lần, trong 1 ngày sẽ kiến-hiệu.

39 — LÂM-LỊCH 淋 瀝

Tiểu-tiện đi ra ri-rỉ không thông, gọi là lâm-lịch.

A — Dùng 1 củ Tỏi bọc giấy bản nướng chín, rồi gỡ giấy dĩa ra, đem ra phơi sương 1 đêm, uống với nước lã lúc sáng chưa ăn gì.

B — Nếu đi ra chất đục, hoặc như đá, như cát, đau không chịu nổi, dùng cây Bo-bo cả hạt, lá và rễ sắc uống, nếu trời nóng thì uống nguội, trời lạnh thì uống nóng, bao giờ tiểu-tiện lợi là khỏi.

40 — LỞ MIỆNG

口 瘡 (khẩu sang)

Miệng lở khó ăn uống, dùng Bạc-hà 4 đồng, lá Tre 1 lạng, lá Dành 3 đồng sắc uống.

41 — LƯỠI CÓ MEO

舌胎 (Thiệt thai).

Lưỡi co méo nói không rõ, ăn-uống khó khăn, dùng Bạc-hà tươi đâm vắt lấy nước cốt, hòa 1 ít nước gừng và mật Ong mà ngậm sẽ khỏi.

42 — MA BẮN

射工 (Xạ-công)

Tự-nhiên ở trong mình có chỗ đau nhói, như bị ma bắn phải, hoặc sưng, hoặc tím, gọi là «ma-bắn». Dùng Tỏi-tươi cắt thành phiến, đặt trên chỗ đau, rồi viên Ngải đặt vào phiến Tỏi mà cứu, độ 10 lần sẽ tan hết độc.

43 — MÁU CAM (máu mũi)

鼻衄 (Ty-nục)

A — Dùng lá Bạc-hà vò mềm nút vào lỗ mũi, hoặc dâ nhuyển vắt lấy nước cốt nhỏ vào cũng được.

B — Bạc-hà, Rau-Má, cỏ-Mực bằng nhau, dâ nhỏ, hòa 1 chén nước tiểu mà uống, còn bã nút vào mũi, thì cầm máu ngay.

C — Dùng Tỏi tươi đã nhuyển, vắt thành bánh bằng đồng tiền, dày độ 3 phân ta, nếu máu ra mũi bên tả, thì đặt vào lòng bàn chân bên hữu, nếu ra bên hữu, thì đặt vào lòng bàn chân bên tả, ra cả 2 bên, thì đều đặt cả.

44 — MẮC THUỐC ĐỘC.

蠱 毒 (Cổ-độc)

Dùng Uất-kim 5 đồng. sắc với 2 bát nước, còn 1 bát, lấy ra, mà uống, đại-tiện đi ra vật dơ-bẩn là khỏi. Nếu gia 1 đồng Thăng-ma càng hay.

45 — MÈO CẢN

Vò lá Bạc-hà tươi đặt vào sẽ khỏi.

46 — MỒ-HÔI RA KHÔNG CHỈ

汗 出 不 止 (Hân xuất bất chỉ)

Bất kỳ bệnh gì hay người thương mà mồ-hôi ra không chỉ, dùng Nghệ tán nhỏ, khi nằm ngủ bôi vào đầu vú thì chỉ ngay.

47 — MÝ MẮT LỎ - LOÉT

眼 弦 赤 爛 (Nhãn huyền xích lạn)

A — Lá Bạc-hà tẩm nước Gừng 1 đêm,

phơi khô, tán bột, mỗi lần dùng 1 đồng hòa với nước ấm mà rửa mắt.

Tỏi tươi đã nhỏ, nướng chín đặt ngoài mày cũng được.

48— MỎI CHÂN

Người thận hư, chân thương hay mỏi, yếu-ớt, đau-nhức, dùng cỏ Xước 3 lạng, củ Mai 4 lạng, Đỗ - trọng 2 lạng, tán bột, viên với hồ bằng hạt Ngô, mỗi lần uống 10 viên với nước chè, ngày 3 lần sẽ khỏi.

49— MỤN NHỌT

A— BẮt-câu mụn gì khi mới phát. Dùng củ Mai tươi đã nhỏ mà rịt sẽ tan ngay.

B— Dùng Hành 10 củ, Đường-cát nửa chén, đã nhuyễn, rịt vào, thì đỡ đau, sau khỏi cũng không có sẹo.

C— Nếu mụn không vỡ mủ thì dùng 1 ít hạt Bo-bo, đã nhỏ đặt vào nó sẽ vỡ ngay, sau khi phá mủ rồi, thì dùng thuốc hút mủ lên da : Nghệ 10 lạng, tán nhỏ, dầu Vừng 5 lạng, nấu dầu cho sôi, cho bột Nghệ vào khuấy đều lại thêm 1 lạng sáp Ong, nấu

cho đặc lại, đoạn gia 1 lạng Hoạt - thạch, khuấy đều để nguội, cất đặt tử-tế, khi bị mụn không lên da, rửa sạch, phết cao này mỗi ngày 2 lần sẽ khỏi.

50— MỤN TRONG CỔ

喉 癰 (Hầu ung)

Bị mụn trong cổ sưng cây lên.

A— Tán bột Bo-bo mà nuốt dần sẽ khỏi.

B— Bạc - hà, Cam - thảo bằng nhau sắc uống.

C— Can-khương 4 đồng, sắc kỹ, ngâm độ 4, 5 phút nhỏ ra, sẽ tiêu hết.

51 — MỤN Ở PHỔI.

肺 癰 (Phế-ung)

Đau ngực ho ra máu, miệng có mùi tanh tức là mụn ở trong phổi.

A — 10 lạng hạt Bo-bo đã nhỏ, cho vào 3 bát nước, sắc lấy 1 bát, gia tí rượu mà uống.

B — Dùng dấm-thanh sắc 1 lạng hạt Bo-bo cho đặc mà uống 1 bát, thì có máu-mủ sẽ ầu ra hết.

C — Dùng lá Diếp - cá dĩa vắt lấy nước cốt, hòa với nước dừa Cải và Muối để lâu năm mà uống thì khỏi.

D — Dùng 1 lạng hạt Bo-bo (sao), tán nhỏ, rây kỹ, dùng 1 cái phôi lợn luộc chín, chấm hạt Bo-bo mà ăn sẽ khỏi.

52— MỤN Ở VÚ

乳癰 (Nhũ-ung)

Lúc mới phát dùng 1 lạng hành Tăm, đồ 2 bát nước sắc còn 1 bát uống hết sẽ tan.

53 — NHỌT ĐỘC

A — Lúc nhọt mới phát dùng Ích-mẫu 3 đồng, cỏ Dĩ 1 lạng, gai Bò-kết 10 cái, đồ 1 bát nước, sắc còn nửa bát, chia 2 lần uống, mỗi ngày 2 lần sẽ khỏi.

B — 1 lạng cỏ Dĩ, 1 lạng Nhũ-hương, 5 đồng Phèn-phi, tán bột, mỗi lần uống 2 đồng cân với rượu, nếu độc quá nặng, phải uống luôn 3 lần cho ra mồ hôi mới khỏi.

C — Dùng củ Mai-tươi, hạt Thầu-dầu, Gạo nếp bằng nhau, ngâm nước, dĩa nhỏ rịt vào.

54) NHỌT Ồ GÀ.

腋癰 (dịch-ung)

Ngọn phát trong nách gọi là «nhọt ồ gà», dùng Gừng già 1 củ. Đinh-hương 5 nụ, củ cây gai làm bánh 1 củ, đã nhỏ hòa nước Gừng. rịt vào sẽ tan.

55 — NHỆN CẢN

蜘蛛咬 (Tri-thù-giảo)

Bị Nhện cắn cả mình sinh sang, dùng 1 nắm, cây Hành (thứ xanh) bỏ đầu nhọn, ướp vào 1 con Giun (kỳ-dẫn) bao giờ con Giun ấy hóa ra nước, thì lấy nước ấy đắp vào là khỏi.

56 — ONG ĐỐT.

A — Dùng Hành-tươi cắt mà xát vào sẽ khỏi.

B— Lấy củ Tỏi đâm nhỏ mà rịt cũng được.

57— PHÁ THƯƠNG PHONG 破傷風

Bị thương rồi gió độc theo chỗ thương tích mà duông vào, làm cho lưng rút cong như vòng sừng, miệng méo mắt trợn, chân

tay co dật, dùng 1 lạng Tỏi. đồ 3 bát nước sắc còn 1 bát, uống vào sẽ khỏi, nếu không uống được thì cạy miệng đồ vào.

58 — PHONG NHIỆT ĐỜM TẮC

風 熱 痰 塞

A— Dùng Bạc-hà tán nhỏ, hòa mật Ong, viên bằng hạt Đậu, ngậm mỗi lần 1 viên, cho nó rữa ra.

B— Gừng sống 1 lạng, đâm lấy nước, Tre non 1 đoạn, đốt nóng vụn lấy nước, 2 thứ ấy hòa lẫn nhau, mà uống sẽ hạ đờm ngay.

C— Cỏ Dĩ tươi 1 nắm đã lấy nước, cho vào tí Muối mà uống, mửa ra đờm sẽ khỏi.

59 — PHONG THẤP 風 濕

Bị phong-thấp, đau - nhức, dùng củ Tỏi đã nhỏ rịt vào.

60 — PHONG - THŨNG 風 腫

Cảm phải phong-khi sinh sưng, dùng 1 chén Đậu - xanh, 1 chén Gạo trắng, 5 mùi Tỏi, nấu chín ăn với 4 quả Chuối chín, sẽ khỏi.

61— QUAN CÁCH 關 格

Quan, là không đi tiểu-tiện, cách, là ầu-nghịch, dùng 1 củ Hành, 1 củ gừng, nửa muôm (thìa) Muối, 1 nắm nhỏ Đậu-xanh, đã lăn sao cho nóng bọc vải lại đặt vào lỗ dốn, buộc chặt sẽ thông được.

62— RĂN CẢN

A— Lá Diếp-cá, lá Bồ-công-anh, đã nhỏ, rịt vào chỗ cản là khỏi.

B— Lá Bạc-hà, lá cỏ Mực. bằng nhau, đã nhỏ mà rịt.

C— Lá Sâu-vẹ, lá Bạc-hà, bằng nhau, nhai nhỏ mà rịt.

D— Dã Tỏi-tươi mà rịt, trong hòa Tỏi với nước mà uống.

Đ— Lấy miếng gừng và ít Mò-hóng, đã nhỏ, rịt vào, miếng này khô thì thay miếng khác.

63 — RẾT CẢN, BÒ-CẶP CẢN.

Dùng Tỏi nhai đặt vào, thay-đổi luôn luôn, hoặc dùng Tỏi đã hòa với nước tiểu mà đặt. trong sắc Tỏi (bỏ vỏ) với 1 bát-sữa mà uống sẽ khỏi:

64 — SÁN HẬU CÓ DÂY THỊT THÔNG RA.

Dùng Gừng-sống 3 cân, đã nhỏ, cho vào 2 cân dầu vừng, hòa lẫn sao khô, trước hết lấy lụa mềm, nhẹ tay đưa cái dây thịt lên xếp làm 3 lớp, nạp vào âm-hộ, đoạn lấy cái đay lụa, đựng Gừng và dầu nấu sôi xông vào, lạnh thì thay đi, trong 2 ngày thì dây ấy thụt vô hết, nhưng đừng làm cho nó đứt đi.

65 — SÁN-KHÍ 疝氣

Đau ở bụng dưới, đau đến hòn-dái, gọi là «sán khí».

A — Dùng Gừng-sống cho nhiều, đã nhỏ vắt lấy 1 bát nước to, xoa bóp cả mình, và ngâm dái vào, lúc nào thấy dái như kim châm và cả mình ra mồ-hôi sẽ khỏi.

B — Vì hàn mà đau, bụng dưới đầy tức, hòn-dái sưng lạnh, dùng 1 lạng Can-khương, 5 đồng Cam-thảo sắc uống.

C — Hạt Bo-bo 4 lạng, sao với đất, rồi bỏ đất đi, nấu cháo ăn hằng ngày. Trị sán-khi rất hay.

66 — SẢN-HẬU-HO

Dùng 1 nắm vỏ Cam, 3 nhát gừng, 1 củ Nghệ, đều tẩm nước tiêu 3 ngày, lấy ra sao vàng, rau Má 1 nắm, sắc lần mà uống sẽ khỏi.

67 — SẢN-HẬU HUYẾT Ứ

產 后 血 瘀

Sản - hậu huyết ứ xông lên đau bụng, dùng Nghệ đốt vừa vừa tán bột, uống mỗi lần 2 đồng với Dấm-thanh.

68 — SẢN-HẬU TRÚNG PHONG

產 后 中 風

Dùng Tỏi 30 củ, cho vào 3 bát nước, sắc lấy 1 bát, cấy miệng rót vào.

69 — SAU CỔ KIẾT HẠCH

項 后 結 核 (Hạng hậu kiết hạch)

Dùng củ Mài tươi, cạo bỏ vỏ ngoài, 2 hạt Thầu-dầu-tia, dā lẫn nhau, rịt vào chỗ đau sẽ tan hết.

70 — SÂU QUẢNG

Thuốc cao này, chữa sâu-quảng rất hay, Nghệ to 4 lạng, Hành khô 4 lạng, (bỏ vỏ),

dầu Vừng 1 cân, Hồng-dơn 2 lạng, Sáp-ong 2 lạng rưỡi, Long-não 1 đồng, Nghệ và Hành thái mỏng, cho vào cái nồi nhỏ, đổ dầu Vừng vào đun sôi độ 10 dạo, lọc bỏ Nghệ và Hành ra, cho Sáp-ong, Hồng-dơn vào nấu cho tan, lúc gần nhắc ra lại cho Long-não vào, bao giờ nhỏ 1 giọt vào bát nước thành hột là được. Cách dùng cao này : lấy nước sôi để nguội rửa sạch chỗ đau, lấy giấy bản chấm khô, rồi phết cao ấy vào, buộc cho chặt, ngày đêm đều thay 1 lần ; 1, 2 đêm mà thấy thịt nó đen, đừng ngại gì, trong 3, 4 hôm nó tróc thịt đen đi, lên da non, khỏi hẳn, rất có công-hiệu. Cao này lại trị được các mụn lâu ngày không lên da nữa.

71 — SỐT RÉT (Cơn, ùi)

瘧疾 (Ngược-tật)

A— Sốt-rét mới phát, ho hen, dùng gừng nướng chín ăn lâu sẽ khỏi.

B— Sài-hồ 4 đồng, Gừng tươi 3 đồng, sắc với 2 bát nước, lấy 1 bát, uống 1 lần cho hết sẽ khỏi.

C— Dã là Diếp-cá buộc vào trong cái bọc lụa mỏng, xát khắp cả mình, hề thấy mồ-hôi ra là khỏi, phải xát trước khi lên cơn.

D— Sốt - rét lâu ngày hoặc cách - nhật, dùng 1 củ gừng to, dã vắt lấy 1 chén nước, hòa với 1 chén đường Cát, phơi sương 1 đêm, sáng mai lúc vắng người, ngảnh mặt về phía đông mà uống.

Đ— Dùng 2 lạng cỏ Xước, sắc đặc hòa vào 3 đồng bột Biệt - giáp (vỏ Tranh) mà uống, 3 thang là khỏi.

72— SƠN - LAM CHƯỞNG KHÍ

山 嵐 瘴 氣

(Khi độc rừng núi)

Dùng 7 củ Tỏi (nửa để sống, nửa nướng) ăn 1 lần cho hết, hồi lâu sẽ đi tả ra hoặc mửa ra huyết là khỏi.

73— SƯNG ĐẦU GỐI

鶴 膝 風 (Hạc-tất-phong)

Dùng 1 củ Tỏi. 1 tý Muối, hai thứ đâm nát buộc vào chỗ sưng là khỏi, nhưng không nên đi lại lắm.

74 — SƯNG DÁI.

A — Dùng Hành-tươi, Nhũ-hương 2 vị cân nhau, đã nhỏ, đồ vào chỗ sùng, tức thì tiêu tán,

B — Hành 1 củ nướng chín, cho vào 1 tý Muối, đã nhuyễn đồ vào cũng hay.

75 — SƯNG LỞ SAU LƯNG.

A — Lấy lá Diếp cá đã nhỏ, vắt lấy nước đặc đồ vào, phải trừ 1 chỗ cho độc tiết ra.

B — Củ Mài tươi bỏ-vỏ, đã nhỏ rịt vào sẽ khỏi.

C — Đã Tỏi rịt vào, hoặc cắt Tỏi để vào chỗ sùng, lại viên Ngải-cứu đặt lên trên miếng Tỏi mà đốt ; nặng lắm đốt 1 lần 10 viên, cách 1 ngày lại đốt, bao giờ khỏi thì thôi.

76 — TIÊU TIỆN BÍ

A — Đã Tỏi tươi rịt vào lỗ đốn, hoặc nướng Tỏi ăn mỗi lần 1 củ, ăn 4, 5 lần sẽ khỏi.

B — Cỏ-Xước, lá Mã-đề đều 1 lạng, cho ba bát nước vào sắc lấy 1 bát, gia tí Muối chia làm 2 lần uống,

C — Nếu Ngọc-hành sưng đau, dùng 1 nắm Hành-tăm, 1 cốc dầu Vừng, sắc cho Hành sắc đen, rồi bỏ Hành, lấy dầu đổ vào chỗ sưng và ở chỗ dẫn.

D — Hành - tăm 3 cân đã nhỏ, sao nóng bọc vải buộc vào bụng, khi thông thì tiểu-tiện lợi được.

Đ — Trẻ - con mới sinh mà không đi tiểu, dùng củ Hành cắt làm 4 phiến, cho vào nửa cốc sữa mà sắc, chia làm 4 lượt uống, tiểu tiện sẽ lợi.

E — Dùng ống Hành thổi Muối vào trong Ngọc-hành thì tiểu-tiện thông ngay.

77 — TIỂU TIỆN BUỐT

Đi tiểu đau quá, mà dái sưng không thể chịu được, dùng Hành tăm, đã nhỏ, rịt vào lỗ dẫn.

27 — TIỂU TIỆN RA MÁU

小便出血

A — Nghệ tán bột 1 lạng, Hành-tăm 1 nắm, đồ 1 bát nước, sắc còn 1 nửa, uống khi nóng.

B — Tỏi-tươi đã nhỏ, rịt vào lòng bàn chân, sẽ cầm máu ngay.

C — Cỏ-Mực, lá Mã-đề 1 lạng, hạt Bo-bo 2 lạng, đồ 3 bát nước, sắc lấy 1 bát. uống làm 2 lần, cách nhau vài giờ. uống 2, 3 thang thì khỏi.

79 — TIẾT-TẢ. 洩瀉

A — Vì cảm phong-hàn mà tiết tả, dùng Hy-thiên tán nhỏ, hòa với Dấm và hồ. viên bằng hạt Ngô, mỗi lần uống 30 viên, chiêu với nước nóng.

B — Vì cảm hàn mà tiết-tả, dùng Can-khương 5 đồng (nường) Hoắc-hương 3 đồng, đồ một bát nước sắc lấy nửa bát mà uống, hoặc dùng Can-khương (nường) 1 lạng, Cam thảo 3 đồng, sắc uống, hoặc dùng Gừng sống 1 lạng, Trần-bì 3 đồng, sắc uống.

C — Tiết-tả mãi không thôi, người ốm yếu, dùng củ Mai (sao) 4 đồng, Can-khương (nường) 3 đồng. Trần-bì 2 đồng. cho 2 bát nước vào, sắc còn 1 bát, uống làm 2 lần.

D — Vì tỳ, vị hư-hèn mà sinh bệnh tiết-tả

dùng củ Mai 6 lạng (sao) Trần-bì 2 đồng (sao) Can-khương 5 đồng (nướng) tán bột, uống mỗi lần 5 đồng với nước chè hoặc nước cơm khi đói bụng.

80 — TIÊU KHÁT 消 渴

(Uống nước luôn)

A — Cát-căn 2 lạng, Gừng tươi 1 lạng, tán bột, ngậm dần dần thì đỡ khát ; hoặc thường ăn cháo Bo-bo cũng được.

B — Dùng 5 lạng, cỏ-Xước, tán bột, tẩm với 5 bát nước Sinh-dịa, cứ ngày phơi nắng đêm phơi sương, bao giờ khô hết nước, thì đem tán ra hoàn với mật bằng hạt Đậu-xanh, mỗi ngày nuốt 30 viên, lúc đói bụng, chiêu với nước trà, uống nhiều thì mạnh gân xương, tươi mặt-mũi, mượt râu-tóc, thêm tân-dịch, nhất là đỡ khát nhiều.

81 — TỶ UYÊN 鼻 淵

(Mũi chảy nước hôi)

Dùng Tỏi thái thành phiến, đặt vào lòng bàn chân, ngày thay 2 lần sẽ khỏi.

82— TÊ PHONG 臍 風

(Phong vào dốn)

Trẻ - con bị phong vào lỗ dốn, cứ chảy nước ra, uốn mình mà khóc, dùng Tỏi cắt thành phiến để lên dốn, ngoài lấy Ngải đặt trên phiến Tỏi mà đốt dần dần, lúc nào trong miệng nó nghe có mùi Tỏi là khỏi.

83— THAI - ĐỘNG 胎 動

Có thai 5, 7 tháng, bị đau nguy-cấp, dùng 1 nắm Hành-Tầm, đổ 3 bát nước, sắc lấy 1 bát, uống hết sẽ bớt dần, nếu thai đã chết thì nó trục ra.

84— THẮT CỔ

自 縊 (Tự ải)

Thắt cổ đã gần chết, giữa ngực còn nóng, cứu xuống, cởi dây và áo quần ra, rồi cho nằm lên cái nệm, dùng lá Hành-Tầm châm vào mũi cho chảy máu ra là tỉnh lại.

85— THOÁT-GLANG 脫 肛

(Lòi tỵ)

A— Dùng 1 nắm cây Hành-Tầm đã nhỏ, xào nóng, chia làm hai phần, một phần thì

để xông. một phần gói vào vải, ém vào, vài lần là khỏi.

B— Nếu trẻ con bị bệnh ấy, dùng nước Ngũ-bội hay nước Phác-tiên rửa chỗ giang-môn cho sạch, rồi lấy lá Diếp-cá đã nhuyển, gói lá Chuối non lại, hơi lửa cho nóng đều, lại phải châm kim vào gói lá Chuối ấy cho thông khí ; đoạn đặt cái gói thuốc ấy vào trên cái ghế cho nó ngồi lên, lạnh thì thay miếng khác, vài lần là khỏi.

86— THỔ HUYẾT 吐血

(Mửa ra máu)

A— Dùng Tỏi tươi đã nhỏ, đặt vào lòng bàn chân sẽ chỉ ngay.

B— Dùng Nghệ 1 củ tán nhỏ, hòa nước giềng mới mức mà uống, tức thì cầm máu.

87— THỜI KHÍ 時氣

Cảm phải thời-khí, đau đầu, phát nóng, dùng 20 củ Hành - tằm, nấu cháo với Gạo, gia ít Dấm vào ăn khi nóng, cho ra mồ hôi sẽ khỏi.

THỦY · THŨNG 水 腫
(Sung nước)

A— Nấu cháo Bo-bo mà ăn thường, tiểu-tiện lợi là khỏi, lại bổ tỳ, vị nữa.

B— Hạt Bo-bo, Trần-bì, Can-khương bằng nhau, sắc uống.

C— Lá Mã-dề 7 đồng, hạt Bo-bo 1 lạng, sắc kỹ uống hằng ngày như nước trà.

D— Ngải cứu 1 lạng, hạt Bo-bo 1 lạng, sắc kỹ uống mỗi ngày 1 thang, uống 5, 6 ngày sẽ khỏi.

Đ— Hạt Mã-dề, ruột ốc-bươu, củ Tỏi, 3 vị bằng nhau, dā nhỏ, rịt vào bụng, tiểu-tiện lợi là khỏi.

E— Củ Tỏi, bột Cáp-phấn, 2 vị bằng nhau, dā nhuyễn, viên với hồ, bằng hạt Ngô, uống mỗi lần 30 viên với nước trà, ngày 3 lần, lúc nào tiểu-tiện lợi là được.

89— THỰC TÍCH 食 積

A— Ăn vào không tiêu-hóa, hay ợ, hay đầy, dùng Trần-bì 4 đồng, Bạc-hà 5 phân, đồ 2 bát nước, sắc còn 1 bát, chia làm 2 lần uống, vài thang sẽ khỏi.

B—Bạc-hà 5 phân. Chỉ-xác 4 đồng, Gừng 5 đồng, đồ 2 bát nước. sắc lấy 1 bát, uống làm 2 lần, nếu gia 2 đồng Hậu-phác càng hay.

C—Dùng Gừng với Trà pha uống thường, cũng là 1 món tiêu thực.

90—THƯƠNG HÀN TRONG KHI CÓ THAI

Có thai bị thương-hàn, tiểu tiện đi ra máu, dùng 1 nắm Hành-tầm đồ 3 bát nước, sắc còn 1 bát, vừa uống nước ấy lại vừa ăn cả Hành mỡ-hôi ra là khỏi.

91 — TRÀNG-NHẠC

瘰 癧 (Loa - lịch)

Cả cổ nổi hạch lên, lâu ngày vỡ mủ rất nguy-hiểm.

A—Cỏ-Dĩ 3 đồng, hạt Bo-bo 1 lạng, Hạ-khô-thảo (cây cải trời) 1 lạng, đồ 3 bát nước sắc lấy 1 bát, chia làm 3 lần uống, phải uống lâu mới tiêu hết.

B—Dùng Tỏi đã nhỏ, rịt vào cổ, mỗi ngày thay vài ba lần.

92—TRĨ - SANG 痔 瘡

A—Dùng Nghệ tán nhỏ, đồ vào chỗ lở sẽ tiêu dần dần.

B — Dùng 1 nắm lá Bạc-hà đổ vào nồi nước đun sôi, vừa xông vừa rửa, đoạn lấy bã nó đắp vào ; hoặc khi rửa rồi, dùng phèn-phi, Long-não tán nhỏ, mà đổ vào thì chóng khỏi.

93 — TRẺ CON ĐAU BỤNG.

小兒腹痛 (Tiểu nhi phúc thống)

Sắc nước Hành-tắm mà rửa bụng cho nó, lại lấy Hành dã nhỏ hơi nóng ém vào đốn, đi tiểu được là bớt.

94 — TRẺ CON HO

小兒咳 (Tiểu-nhi khái)

A — Gừng-sống 4 lạng, nấu nước tắm cho nó.

B — Bạc-hà 3 phân, Cam-thảo 1 đồng, sắc uống.

95 — TRẺ CON KHÓC ĐÊM

小兒夜啼 (Tiểu-nhi dạ-đề)

Trẻ-con hay khóc đêm, đau bụng, da mặt xanh, dùng củ Tỏi nướng chín, dã nhỏ viên bằng hạt Gạo, cho uống mỗi ngày 2 lần, mỗi lần 5 viên.

96 — TRẺ CON MỚI SINH KHÔNG BÚ.

Nường cái dùi cho đỏ, rồi dā Hành-tăm pha với sữa, đổ vào cái dùi đỏ ấy, hứng lấy sữa lọc trong cho nó uống.

97 — TRẺ CON SÓI TÓC

小兒禿瘡 (Tiểu-nhi thốc sang).

Dùng Hành-tăm dā nhỏ, hòa với Mật mà đồ luôn, ít lâu nó sẽ mọc tóc lại.

98 — TRẺ CON TỰ-NHIÊN CHẾT NGẮT.

Dùng Hành-tăm dặt vào dốn hoặc nhét vào lỗ mũi, làm cho khi thông, nhảy mũi được là sống lại.

99 — TRÚNG ĐỘC BÁN-HẠ.

Trúng độc Bán-hạ thì ngựa cồ, xốn ruột, dùng 1 lạng gừng sống, sắc lấy 1 bát nước, để nguội, ngâm nuốt dần dần sẽ khỏi.

100 — TRÚNG ĐỘC CUA.

Ăn phải con cua có độc, rồi nôn mửa, đau bụng, thồn-thức khó chịu, dùng Tỏi sắc uống sẽ khỏi.

101 — TRÚNG ĐỘC NGŨ KIM

Uống lắm các loài ngũ-kim, mắc phải độc, dùng Hành-tăm sắc uống sẽ khỏi,

102— TRÚNG ĐỘC PHÊ-SƯƠNG

(Thạch - tín)

Dùng Nghệ tán nhỏ, 2 đồng, hòa 1 ít mật Ong uống với nước lạnh.

103 — TRÚNG ĐỘC XUYÊN TIÊU.

Uống Xuyên-tiêu bị độc, khi tắc, không thở được, sắc Tỏi mà uống sẽ khỏi.

104 — TRÚNG HÀN,

Trúng phải khí lạnh, mê-mán bất tỉnh, miệng câm không nói được, chân tay cứng đờ, chứng này khác trúng phong là không có cách co rút rung dật.

A — Dùng Hành-tăm đã tươi, sao nóng, bóp trên đốn, hồi lâu sẽ tỉnh.

B — Dùng Gừng tươi đã nhỏ, hòa rượu đun sôi mà uống và chườm cả mình.

C — Phụ-tử (chế) 3 đồng, Can-khương 2 đồng, Hành-tăm 1 đồng sắc uống sẽ tỉnh.

D—Dùng Tỏi cắt phiến đặt vào dấm, rồi lấy Ngải-cứu đốt ở trên cho hồi tỉnh lại.

105 — TRÚNG HƠI ĐỘC

(Trúng ác)

Trúng phải hơi độc phạm vào quả tim, ngã ra chết ngất, dùng lá hành cứng và dài châm vào lỗ tai hoặc lỗ mũi cho chảy máu ra là tỉnh, nếu không có máu ra thì không chữa được nữa.

106 — TRÚNG PHONG ĐÀM TẮC.

Cảm phải gió độc tự-nhiên ngã ra, đờm kéo khó khò, mê - man bất tỉnh, chân tay co dật.

A — Dùng gừng sống 2 lạng, Phụ-tử 3 đồng, đồ 3 bát nước, sắc còn bát rượu, chia làm 2 lần uống cách nhau độ nửa giờ, nếu không uống được, thì cạy miệng đồ vào.

B — Củ-Chóc (Bán-hạ) 3 đồng, Gừng 7 đồng, đồ 1 bát nước vào, sắc lấy nửa bát, gia 1 chén nhỏ Trúc-lich vào uống. (Cách lấy Trúc-lich, dùng cây tre vừa đủ lá, cắt khúc, đốt nóng, vắt lấy nước.)

C — Dùng Trúc-lich 2 phần, nước gừng 1 phần. pha lẫn mà uống.

107 — TRÚNG PHONG LUNG
TRỞ TRÁI NHƯ VÒNG CUNG.

Dùng Tỏi tươi sắc uống, cách 1 giờ lại uống 1 lần, dần dần sẽ khỏi.

108 — TRÚNG PHONG LƯỠI
CỨNG KHÔNG NÓI ĐƯỢC.

Bắt con gà mái đen, bỏ lông, bỏ ruột cho sạch, cho 5 bát rượu vào nấu cạn, còn 1 nửa, lại gia gừng tươi, Hành sống, nấu cháo với con gà ấy mà ăn cho nóng, đoạn đắp chăn cho ra mồ-hôi là khỏi.

109 — TRÚNG PHONG
TRỌN MẮT MÉO MIỆNG.

A — Cỏ-Dĩ cả cây, hoa, lá, bỏ rễ, rửa sạch phơi khô, vừa hong vừa phơi cho được 9 lần, tán bột viên với hồ, bằng hạt Ngô, mỗi lần nuốt 40 viên với nước cơm hoặc rượu.

(Hoàn ấy phải làm sẵn)

B — Bạc-hà tươi 1 nắm, sắc lấy nước, gia 1 thìa con Trúc-lich, hòa lẫn mà uống, cách 10 phút lại uống 1 lần.

110 — TRÚNG THỦ 中暑

(Trúng phải khi nắng)

Ngay khi mê-man bất tỉnh, đã Tỏi hòa với nước nóng, cấy miệng rót vào, hoặc đã Tỏi đặt vòng quanh đồn, bảo người khác đái vào chỗ đồn, hồi lâu sẽ tỉnh.

111 — VÀNG DA 黃疸

A — Dùng gừng sống, đã nhỏ, xoa-bóp cả mình, hoặc lăn với Nhân-trần càng hay.

B — Lá Mã-dề 4 đồng, hạt Bo-bo 1 lạng, Nhân-trần 3 đồng, sắc uống mỗi ngày 3 lần.

112 — YẾT-Hầu 咽喉

(đau cổ)

Đau cổ, khi tắc, không thông, rất nguy-hiểm, dùng 2 củ Độc-dầu-Toái (Tỏi 1 mủi), bỏ 2 dầu đi, nhét vào lỗ mũi, bao giờ trong miệng có máu chảy ra là kiến-hiệu.

Giải nghĩa các chữ nho

A

Ác huyết : Huyết xấu.

Ác nhục : Thịt thối, không có chất sinh-hóa.

Âm huyết : Chất huyết mát-mẻ.

Âm hư : Chất nước kém.

Âm nuy : Ngọc-hành đủ xuống, không cử-động được.

Âm-vượng : Khí âm mạnh.

B

Bài tiết : Tổng chất xấu ra, như đi tiểu, ra mồ-hôi v. v..

Bạch-đái : Chất nước trắng, đục, thường ra chỗ đi tiểu.

Bạch-lỵ : Đi lỵ ra đờm.

Bán thân bất toại : Tê liệt nửa người.

Bể-tàng : Đóng kín lại.

Bệnh tà : Tà-khi làm ra bệnh.

Bôn đồn : Khí từ dưới dồn chạy ngược lên.

C

Ca dao : Câu hát thông-thường.

Cách nhật : Cứ cách 1 ngày một.

Cam ôn : Vị ngọt, tính ấm.

Cước khí : Bệnh đau gót chân.

Cb

Chướng khí : Khí độc ở rừng núi.

Chính khí : Khí tốt trong người.

D

Dương khí : Khí nóng.

Dương mai : Bệnh hoa-liều.

H

Hành khí : Làm cho khí được lưu-thông.

Hạ khí : Đưa khí xuống.

Hàn thấp : Khí thấp thuộc hàn.

Hỏa khí : Khí nóng.

Hoàn, tán : Hoàn là thuốc viên, tán là thuốc bột.

Hoàng đản : Da vàng.

Hoang đường : Nói viển-vông.

Hoạt-lợi : Trơn-nhuận, thông-lợi.

Hồn, phách : Khi thiêng-liêng trong thân-thể.

Hung cách : Chỗ ngực.

Huyết tích : Huyết chứa lại.

Hư-hỏa : Khi nóng không có gốc.

K

Kinh bế : Không đưa kinh.

Kinh nguyệt : Huyết ra từng tháng.

Kinh mạch : Dây máu trong người.

Kh

Khai uất : Làm cho khi uất mở ra.

Khô sáp : Khô ráo, có ý trở-tắc.

Khổ hàn : Vị đắng, khi hàn.

Khổ - táo : Vị đắng chất ráo.

Khu phong : Đuổi khi phong ra.

L

Lao tổn, lao thương : Thuộc về bệnh hèn - yếu.

Lâm, lậu : Tên bệnh : Lâm là đi tiểu ngắt mà đau, lậu là đi tiểu có mủ.

M

Mộc khí : Tức là khí ở can thuộc về mộc.

N

Nung huyết : Mủ ra máu.

Ng

Ngoại-cảm : Cảm mạo ở ngoài.

Nguyên-khí : Cũng như chữ chinh-khí.

Ngũ-kim : Năm loài kim, như vàng, bạc v. v.

Nghịch khí : Khí ở dưới xông lên.

P

Phát biểu : Làm cho mồ-hôi ra.

Phát-tán : Cũng như chữ phát biểu.

Phiền-muộn : Phiền-nóng, buồn-tức.

Phế lao : Bệnh lao thuộc phế.

Phong khí : Hơi gió.

Phong nhiệt : Bệnh phong thuộc nhiệt.

Phong thấp : Bệnh phong kiêm thấp.

Q

Quái bệnh : Bệnh lạ.

Quan cách : Quan là không đi tiểu - tiện, cách là cứ mưa luôn.

S

Sán-khí : Bệnh đau ở bụng dưới, đau đến hòn dái.

Sang : Bệnh lở-láy.

Sắc dục : Ham mê con gái.

Sơ tiết : Làm cho sơ-thông bài-tiết ra.

Suyễn : Bệnh thở.

T

Tà khí : Khí độc làm ra bệnh.

Tá, sứ : Những vị thuốc giúp đỡ sai khiến.

Tân-dịch : Các chất nước trong người.

Tân tán : Những vị thuốc cay có tính phát-tán.

Tân lương : Những vị cay mà có tính mát.

Tý : Bệnh tê mà đau.

Tiết-tả : Đi ỉa như rót.

Tiết-tinh : Tinh chảy ra.

Tiêu khát : Uống nước mấy cũng tiêu hết.

Tiêu thực : Làm cho đồ ăn tiêu-hóa.

Tuyên thông : Làm cho khỏi sự trở-tắc.

Tùng trị : Chữa trái lại, như thuốc nóng chữa bệnh nóng, thuốc lạnh chữa bệnh lạnh.

Tư nhuận : Làm cho khỏi khô ráo.

Th

Thanh nhiệt : Làm cho khi nóng mát đi.

Thấp nhiệt : Bệnh thấp thuộc nhiệt.

Thất huyết : Bệnh có máu ra, như thổ huyết, tiện-huyết v.v.

Thổ : Bệnh mửa.

Thổ khí : Tức là khí ở tý vị.

Thông lợi : Làm cho thông-sương hoạt-lợi.

Thoát giang : Giang-môn lòi ra ngoài.

Thời khí : Tức là bệnh dịch.

Thiên thời : Cũng như chữ thời-khí.

Thủy khí : Hơi nước.

Thủy thũng : Sưng nước.

Thực-liệu : Đồ ăn.

Tr

Trĩ sang : Bệnh lở đầu giang-môn.

Trung thổ : Tức là tý vị.

Trụy thai : Bị cơ gì mà thai ra.

Trúng phong : Phả gió.

Trúng nhiệt : Trúng phả khi nóng.

Trung kiết : Bệnh có cục ở trong bụng.

Y

Yết-hầu : Chỗ cổ họng.

Cải - chính

Số trang	Dòng thứ	In nhằm	Độc là
9		Folia mentha. Peppermint. Pfefferminge.	Mentha piperita. Lin.
10		Tánh chất.	Tính-chất
12	10	A. Hêrand	A. Héraud
13	3	Croix Lacryma Jobi Lin	Coix Lachryma Jobi Lin
16	17	{ Crévot { Chất béo 0,48	Crevost Chất béo 0,46.
20	15	Mùa thu	Mùa hạ
21	1	Về tiết mùa hạ cây đã già	Lúc nào cây đã...
22	1	{ Khí - vị	Tính-chất
»	9	{ Dung - lượng	Phân lượng
27	3	Achyranthes Bidentata	Achyranthes. Bidentata. Blum.
28	1	{ Tánh - chất	Tính-chất
»	11	{ Dung lượng	Phân lượng
31	4	Pioscorca Japonia Thumb	Dioscorea Japonica Thunb
»	7	Thuộc về loài cây dây	Thuộc về loài dây
36	3	Houthuynia Cordata Thanh	Houttuynia Cordata Thunb

Số trang	Dòng thứ	In nhầm	Độc là
38	7	{ Crivort	Crevost
»	11	{ Laureiro	Loureiro
44	3	Rose	Roscœ
49	3	Stone Leck Wel Sh Onion	Allium. Ceba. Oi- gnon
54	3	Kurcuma	Kurkuma
57	3	Hérand	Héraud
61	16	Orenbroise	Am. Paré
62	21	Chất mỡ 6.10%.	Chất mỡ 0.10%.
66	12	Hạt	Củ
69	19	Ém	Nén
80	3	Lưỡi co méo...	Lưỡi co meo
93	18	27	78
101	10	Dùng Hành tằm...	A) Dùng Hành tằm.
»	13		B) Dã gừng lấy nước cho uống, bã dịt vào rốn

MaiLinh tu thư cục - Y-học từ

ĐÃ XUẤT-BẢN :

1.) Việt-nam dược-học

in làm 12 cuốn,
nói về 120 cây thuốc nam
trị ngót 2.000 chứng bệnh.

T
Loa
Đã

SẼ XUẤT-BẢN :

2.) Sách thuốc Nhật-bản

(tức là bộ Hoàng-hán Y-học)
sẽ in làm nhiều cuốn.

N

**3.) Cây hương-phụ với các
bệnh của đàn-bà.**

4.) Ngưu hoàng

5.) Nhung và Cao

**6.) Những điều các nhà
bệnh cần phải biết.**

7.) Cây quế ở Trung-kỳ

8.) Y-phương tập giải

9.) Dược trị thông nghĩa.

Đo

10.) Dược vật

11.) Y án

Đi

MaiLinh tu thư cục - Y-học từng-thư

ĐÃ XUẤT-BẢN :

1.) Việt-nam dược-học

in làm 12 cuốn,
nói về 120 cây thuốc nam
trị ngót 2.000 chứng bệnh.

Của ông Phó
Đức - Thành
Toàn bộ bán
Loại thường 10\$00
Đặc biệt 30\$60

SẼ XUẤT-BẢN :

2.) Sách thuốc Nhật-bản

(tức là bộ Hoàng-hán Y-học)
sẽ in làm nhiều cuốn.

Của ông
Ngô Tất - Tố
dịch

**3.) Cây hương-phụ với các
bệnh của đàn-bà.**

4.) Ngưu hoàng

5.) Nhung và Cao

**6.) Những điều các nhà
bệnh cần phải biết.**

7.) Cây quế ở Trung-kỳ

8.) Y-phương tập giải

9.) Dược trị thông nghĩa.

5 cuốn do ông
Phó Đức-Thành
soạn

của ông
Đoàn danh-Trì

10.) Dược vật

11.) Y án

của ông
Đinh văn-Thê

Việt-Nam văn-học

do NGÔ TAT-TỔ chủ-trương

- 1.) Lý triều văn học**
- 2.) Trần triều văn học I**
- 3.) Trần triều văn học II**
- 4.) Lê triều văn học I**
- 5.) Lê triều văn học II**
- 6.) Nguyễn triều văn học**

Dày tất cả ngót 2000 trang in làm 2 hạng.

Loại giấy thường bán từ 6\$00 trở lên.

Loại đặc biệt — 20.00 trở lên.

thêm cước gửi ngoài

Ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước trong tháng
Janvier 1942 phải trả :

Loại giấy thường	4\$00	} cả tiền cước gửi.
Loại đặc biệt	12. 00	

Ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước trong tháng
Février 1942 phải trả :

Loại giấy thường	5\$00	} cả tiền cước gửi.
Loại đặc biệt	15. 00	

Ngài nào muốn coi một cuốn đầu xin gửi :

Loại giấy thường	1\$00	} cả tiền cước.
Loại đặc biệt	3. 00	

Nhà in Mai-Linh Hanoi xuất-bản